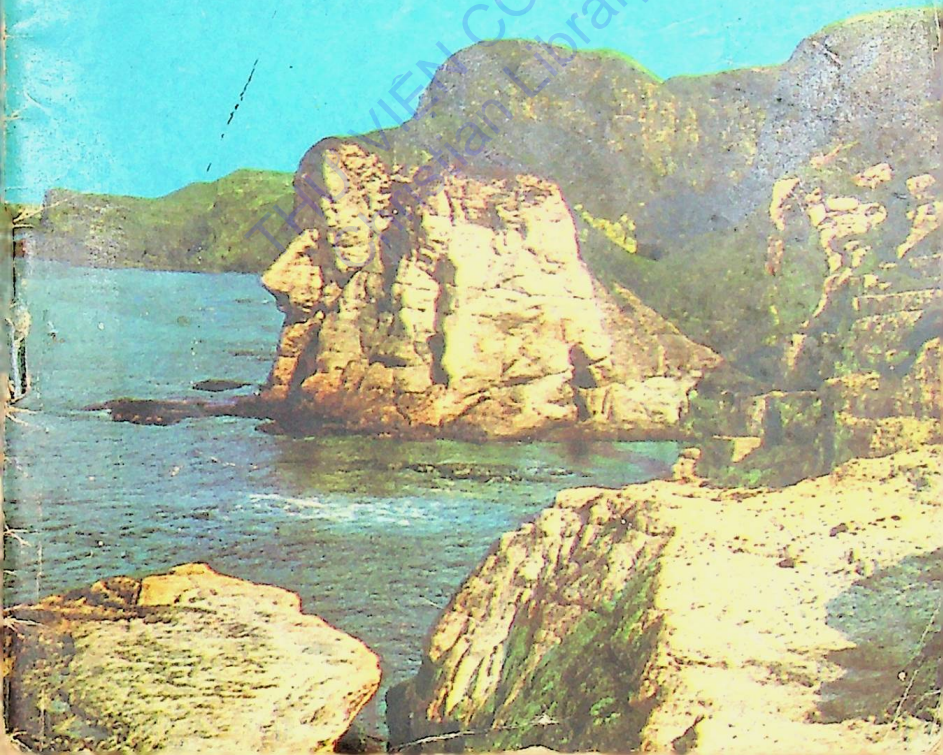


Rạng Đông

25
5/08



VIỆN CƠ ĐỐC
Thư viện

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG TÀI LIỆU SỐ TẠI TRANG WEB THUVIENCODOC.ORG

1/ Tài liệu số được lưu trữ và cung cấp tại website *thuviencodoc.org* do Thư Viện Cơ Đốc quản lý theo quy định pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ.

Quy trình số hóa và sử dụng các tài liệu số của Thư Viện Cơ Đốc luôn tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật Việt Nam về quyền sở hữu trí tuệ.

2/ Tài liệu số truy cập từ website *thuviencodoc.org* gồm phần lớn là những tài liệu được số hóa từ các đầu sách sẵn có trong Thư Viện Cơ Đốc (*từ nguồn tự bỏ sung, từ nguồn cho, tặng của các tác giả, Bạn đọc khắp nơi*) và từ nguồn do Thư Viện Cơ Đốc sưu tầm.

- Việc tái sử dụng phi thương mại các tài liệu số từ website *thuviencodoc.org* với mục đích đọc hiểu, học tập hoặc sử dụng để nghiên cứu khoa học là miễn phí. Bạn đọc được tự do sử dụng và phải tự chịu trách nhiệm pháp lý trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam khi thực hiện các công việc liên quan về sở hữu trí tuệ. Việc trích dẫn các nội dung trong các tài liệu số này, cần ghi rõ nguồn trích dẫn từ '*thuviencodoc.org*'.

- Việc tái sử dụng với mục đích thương mại đối với bất kỳ một phần trong mỗi tài liệu, một phần hoặc toàn bộ tài liệu số từ website *thuviencodoc.org* phải được sự đồng ý bằng văn bản chính thức của người có thẩm quyền của Thư Viện Cơ Đốc. Thư Viện Cơ Đốc không chịu trách nhiệm với bất kỳ thiệt hại, tổn thất nào của bên thứ ba có liên quan dưới bất kỳ hình thức nào đến các tài liệu số từ website *thuviencodoc.org*.

3/ Điều kiện để sử dụng các tài liệu số của Thư Viện Cơ Đốc là tuân thủ theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ. Trường hợp tái sử dụng thương mại hoặc phi thương mại tại một quốc gia khác, cần tuân thủ theo luật pháp về sở hữu trí tuệ của quốc gia đó.

4/ Người sử dụng tài liệu số cam kết tuân thủ các điều kiện sử dụng trên, cũng như tuân thủ theo pháp luật Việt Nam về sở hữu trí tuệ. Trường hợp không tuân thủ, phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về vi phạm của mình.

Rạng Đông

25
5/08



VIỆN CƠ ĐỐC
Thư viện



Cơ-quan chuyên phổ-biến
giáo-lý Tin-lành của
HỘI-THÁNH TIN-LÀNH VIỆT-NAM
(xuất-bản hằng tháng)



Địa-sởn : 5/13, HÒA-HƯNG
SAIGON



Quản - lý :
Mục-sư LƯU-VĂN-MÃO



Chỗ-nhiệm kiêm Chủ-bút :
NGUYỄN-VĂN-VẠN



Số **25**
THÁNG NĂM
1967



Hình bìa : Một thắng-cảnh ở phía Bắc Ái-nhĩ-lan gọi là "Đầu người Không-lò."

Trong số này :

- * Lễ Ngũ-Tuần đầu tiên.
- * Ý-nghĩa Lễ Ngũ-Tuần.
- * Nhà Truyền-giáo tài-hoa.
- * Nỗi lòng 20.
- * Theo dõi sự chết.
- * Chồng tôi là một phi-công.
- * Khuôn mặt con người.
- * Giờ đen tối nhưt.
- * Những bạn chân tình.
- * Linh-năng huyền-diệu.
- * Lê-thật Kinh-thánh minh-họa.
- * Ông già Thánh-nhân.
- * Tên Đức Chúa Trời.
- * Kho-làng tuyết.
- * Tha kẻ giết con mình.

Hoan Nghênh

Hội - ĐỒNG TỔNG - LIÊN - HỘI

Lần thứ XXXV

Họp tại Đà-nẵng từ 27 đến 31-5-67

Giấy phép số 5942/BTT/CBI/14-10-64
Kì-lâm duyệt số 876 BTT ngày 12-5-67

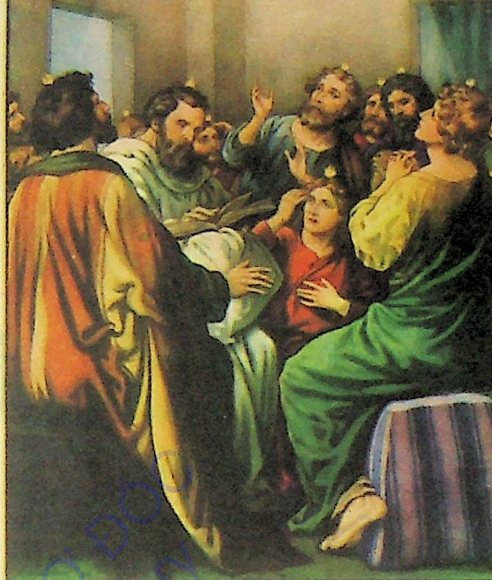
Mỗi tập : 8000
Mỗi năm : 80000

LỄ

NGŨ-TUẦN

ĐẦU TIÊN

(Công-vụ 2 : 1-13)



Đến ngày lễ Ngũ-tuần, môn-đồ nhóm họp tại một chỗ. Thánh-linh, có tiếng gió thổi ào ào, đầy khắp nhà môn-đồ ngồi. Các môn-đồ thấy lờ mờ-rạc từng cái một, như lờ mờ bằng lửa hiện ra, đậu trên mỗi người trong bọn mình. Hết thấy đều được đầy-dẫy Đức Thánh-Linh, khởi sự nói các thứ tiếng khác, theo như Đức Thánh-Linh cho mình nói.

Vả, bấy giờ có người Giu-đa, kẻ mộ đạo, từ các dân thiên-hạ

đến, ở tại thành Giê-ru-sa-lem. Lúc tiếng ấy vang ra, dân-chúng chạy đến, ai nấy đều sững-sờ vì mỗi người đều nghe các môn-đồ nói tiếng xứ mình. Chúng đều sợ-hãi và lấy làm lạ mà rằng : Hết thầy người nói đó, há chẳng phải là người Ga-li-lê sao ? Vậy thì, sao chúng ta nghe ai nấy đều nói tiếng riêng của xứ chúng ta sanh-đê... Ai ai đều sợ-hãi, không biết nghĩ làm sao, bèn nói với nhau rằng : Việc này là nghĩa làm sao ? Nhưng có kẻ lại nhạo-báng rằng : Họ say rượu mới đó.



Ý-nghĩa LỄ NGŨ-TUẦN

Mục-sư G. W. HUNT

HÔM nay tôi muốn nói chuyện cùng bạn đọc thân mến về một lễ-thật rất quan-trọng của Kinh-Thánh tức là Lời Đức Chúa Trời. Tôi nói rất quan-trọng là vì sự am-hiếu lễ-thật này một cách đúng-dẫn sẽ đem đến cho đời ta sự đắc-thắng thay vì thất-bại; phước-hạnh và sự ấm-áp thay vì tình-trạng trống-rỗng và lạnh-lẽo. Nếu chúng ta hiểu về Lễ Ngũ-tuần một cách đúng-dẫn, chúng ta có thể trở thành những dụng-cụ đắc-lực trong Bàn Tay của Đức Chúa Trời.

Thật ra, sự hiểu-biết của chúng ta về Lễ Ngũ-tuần sẽ quyết-định chúng ta là hạng Cơ-đốc nhân nào.

Như các bạn đều biết Lễ Ngũ-tuần vốn là Sinh-Nhật của Hội-thánh, và là khởi-điểm của một Thời-đại mới.

Nhưng trong bài này tôi không muốn khai-triển vấn-đề quá rộng như thế mà chỉ muốn nói về người

tín-đồ Đấng Christ và sự liên-hệ của bản-thân người ấy với Lễ Ngũ-tuần, hay, nói cách khác Lễ Ngũ-tuần có thể có ý-nghĩa gì đối với sinh-hoạt hàng ngày của người tín-đồ.

Kinh-thánh dạy chúng ta ba lễ-thật quan-trọng về Lễ Ngũ-tuần.

I. SỰ SỐNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VỚI TẤT CẢ SỰ SÙNG-MÃN CỦA NÓ ĐƯỢC CUNG-ỨNG CHO TÍN-ĐỒ VÀO NGÀY LỄ NGŨ-TUẦN.

1. Đức Thánh-Linh có hành-động tích-cực trong Cựu-trước, nhưng Ngài không đưa ra một sự khái-thị hoàn-toàn về sự sống và bản-tánh của Đức Chúa Trời lúc ấy.

Lý-do Đức Thánh-Linh không thể khái-thị vị-phẩm toàn-vẹn của Đức Chúa Trời là vì Đức Chúa Trời chưa hề ngự giữa loài người. Và Đức Thánh-Linh chỉ có thể bày-tỏ một số phương-diện nhất-định về bản-tánh của Đức Chúa Trời.

Bởi chưng, muốn có một sự khái-thị toàn-vẹn về Đức Chúa Trời và

sự đầy trọn về vị-phàm của Ngài, Đức Chúa Trời trước đó cần phải được bày-tỏ cho loài người. Ngài cần phải sống giữa họ, đối đầu với cùng những sự cảm-dở mà họ phải đối đầu, và sống trong những hoàn-cảnh mà họ phải sống. Chỉ có bởi cách sống giữa loài người, vị-phàm của Đức Chúa Trời mới được khải-thị, và người ta mới có thể nhìn thấy sự sống mà một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ cho họ được hưởng.

2. Nhưng vì trong Cựu-trước không hề có một sự khải-thị nào về Đức Chúa Trời như thế — Đức Chúa Trời chẳng từng bao giờ tự bày-tỏ mình ra trong xác-thịt. Do đó người ta chỉ có một sự hiểu-biết hữu-hạn về Đức Chúa Trời.

3. Nhưng thử hỏi trong đời Tân-trước và trước ngày Lễ Ngũ-tuần có một sự khải-thị nào về Đức Chúa Trời chăng?

Chúng ta có thể tìm thấy câu trả lời trong Giăng 1 : 18: "Đấng đã giải-bày Cha." Đấng ấy chính là Jê-sus-Christ đã đưa Đức Chúa Trời đến cái điềm mà chúng ta có thể chiêm-ngưỡng Ngài và quan-sát Ngài trong tất cả sự sung-mãn của Ngài!

Đấng Christ đã giải - bày Đức Chúa Trời ra cho chúng ta. — Ngài đã ban cho chúng ta một sự khải-thị toàn-vẹn về Thần-Phụ của Ngài.

4. Đấng Christ đã giải-bày cho chúng ta sự sống và bản tánh của Đức Chúa Trời trong tất cả sự

sung-mãn của nó.

a. Do sự sanh - hạ của Đấng Christ, Ngài giải-bày cho chúng ta về đức Khiêm-ti của Đức Chúa Trời.

b. Do đời sống của Đấng Christ, Ngài giải-bày cho chúng ta về đức Thánh-khiết của Đức Chúa Trời.

c. Do sự chết của Đấng Christ, Ngài giải - bày cho chúng ta về Tình thương của Đức Chúa Trời.

d. Do sự sống lại của Đấng Christ, Ngài giải-bày cho chúng ta về Quyền-năng của Đức Chúa Trời.

đ. Bởi sự thăng-thiên của Đấng Christ, Ngài giải-bày cho chúng ta về sự Vinh-hiền của Đức Chúa Trời.

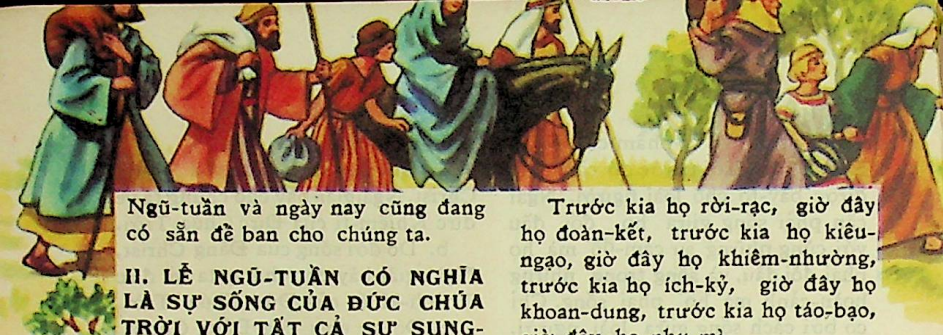
5. Đấng Christ đã ban cho chúng ta một sự khải-thị trọn-vẹn về Đức Chúa Trời!

Và giờ đây, sự sống và bản-tánh của Đức Chúa Trời đã được chính Đấng Christ bày - tỏ cho chúng ta rồi, Thánh-Linh của Đức Chúa Trời sẵn-sàng đem sự sống ấy đổ vào trong lòng của Cơ-đốc nhân.

Do đó Lễ Ngũ - tuần có nghĩa là sự sống của Đức Chúa Trời với tất cả sự sung-mãn của nó đang chờ-đợi để được đổ đầy vào lòng của Cơ-đốc nhân, sự sống mà Đấng Christ đã sống chính là sự sống mà Tin-Lành của Đức Chúa Trời sẵn - sàng ban cho dân - sự Ngài.

Đó là một đời sống quyền-năng, thánh-khiết, khiêm-ti, yêu-thương, và một đời sống vinh-hiền.

6. Sự sống ấy đã có sẵn từ Lễ



Ngũ-tuần và ngày nay cũng đang có sẵn đề ban cho chúng ta.

II. LỄ NGŨ-TUẦN CÓ NGHĨA LÀ SỰ SỐNG CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VỚI TẤT CẢ SỰ SUNG-MÃN CỦA NÓ ĐỔ ĐẦY VÀO LÒNG CỜ-ĐỐC NHÂN VÀ NGẬP TRÀN ĐỜI SỐNG HỌ

I. Vào Lễ Ngũ-tuần sự sung-mãn của Đức Chúa Trời đã tràn vào cuộc đời của các môn-đồ Đấng Christ như cả một đại-dương. Nó đưa họ ra và đem họ vào :

Nó đưa họ ra khỏi bàn-gã họ và đem họ vào trong chính Đức Chúa Trời.

Nó đưa họ ra khỏi cái gì thiên nhiên và đem họ vào trong cái gì thiêng-liêng.

Nó đưa họ ra khỏi bờ khô cạn và đem họ vào nơi sâu-thẳm không bờ-bến.

Nó đưa họ ra khỏi nơi hữu-hạn để đem họ vào nơi vô hạn.

Nó đưa họ ra khỏi nơi bất-lực để đem họ vào nơi quyền-lực.

Tinh-thần của họ được đầy năng-lực; linh-hồn của họ được sống lại và tâm - hồn của họ được bùng cháy. Họ không còn bị ý riêng của mình chủ-trị nữa mà được điều- khiển bởi quyền-năng và lực-lượng của Đức Chúa Trời.

Mỗi một linh-vực trong sanh-hoạt của họ đều được Đức Chúa Trời chiếm-hữu.

2. Nếu ta đem so-sánh thì thấy :

Trước kia họ rời-rạc, giờ đây họ đoàn-kết, trước kia họ kiêu-ngạo, giờ đây họ khiêm-nhường, trước kia họ ích-kỷ, giờ đây họ khoan-dung, trước kia họ táo-bạo, giờ đây họ nhu-mi.

Các môn-đồ đã từng-trải một sự thay đổi lạ-lùng trong bản-tánh họ — họ không còn như trước nữa.

Đó không phải chỉ là Sự Cứu-rỗi.

Đó không phải chỉ là sự Cung-hiến.

Đó chính là dầm - thấm Sự Sung-mãn của Đức Chúa Trời vào đời sống của những con-cái Ngài.

Điều ấy có nghĩa là quay về với lễ Ngũ-tuần xưa — mà cũng cùng có nghĩa như thể hôm nay, chúng ta có thể từng-trải những gì các môn-đồ đã từng-trải vào lễ Ngũ-tuần ngay hôm nay.

III. LỄ NGŨ-TUẦN CÓ NGHĨA LÀ SỰ SUNG-MÃN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRÀN-NGẬP VÀ TRỞ THÀNH QUYỀN-NĂNG CỦA SỰ TRUYỀN-BÁ TIN-LÀNH

Chúng ta không ngạc-nhiên khi thấy có nhiều linh-hồn đến với Đấng Christ, và những người này-day dẫy Đức Chúa Trời đến một mức-độ mà chính sự hiện-diện của họ cũng đủ thuyết-phục người ta và tội-lỗi.

Đọc theo bờ sông Nile ở Ai-cập dân-chúng nhờ nước sông lên đê

sản-xuất và phát-triển. Họ nhờ sự tràn-ngập của dòng nước. Cũng một lẽ ấy, vào ngày Lễ Ngũ-tuần, nhờ sự sung-mãn của Đức Chúa Trời tràn-ngập đời sống của những môn-đồ Đấng Christ, khiến bất-cứ nơi nào họ đi đến đều đem bông kết-quả — có một số khá đông người được cứu.

Sự sung-mãn của Đức Chúa Trời như một đại-dương lôi-cuốn họ theo dòng thủy-triều.

Làm thế nào sự tràn-ngập trở thành « quyền - năng của sự Truyền-bá Tin-lành » ?

Họ được dòng đại-dương lôi-cuốn đi mà không gì có thể ngăn-cản được. Chẳng hạn một người bị quỉ ám cũng không thể đứng nổi trước mặt họ. Một quần-chúng cuồng-nộ cũng không thể làm cho họ kinh-hoàng. Những người Hy-lạp thông - thái cũng không sao đánh bại họ. Và ngay những người La-mã hùng - mạnh kia cũng không thể làm cho họ nhụt chí.

Dòng « thủy-triều » này về sự sung - mãn của Đức Chúa Trời đã khởi-sự tại Giê-ru-sa-lem, lan ra xứ Giu-đê, chảy qua khắp xứ Sa-ma-ri và tràn khắp mọi cực-địa của thế-gới.

Các Hội-thánh được sanh-sôi này-nở, số đông người quay trở về cùng Đức Chúa Trời. Nhân-loại đã lìa bỏ những gì của thế-gian để quay về với những Lễ-thật của Lời Đức Chúa Trời.

Cơ hội duy-nhứt mà chúng ta làm một việc gì cho Đức Chúa Trời chính là lúc chúng ta cũng từng-trải một sự tràn-ngập về sự sung-mãn của Đức Chúa Trời trong đời sống chúng ta.

Xưa kia Lễ Ngũ-tuần đã có nghĩa và ngày nay vẫn có nghĩa là sự sung-mãn của Đức Chúa-Trời đầy-dẫy trong đời sống của dân sự Ngài, và sự đầy-dẫy đã trở thành quyền-năng của sự Truyền-bá Tin-lành.

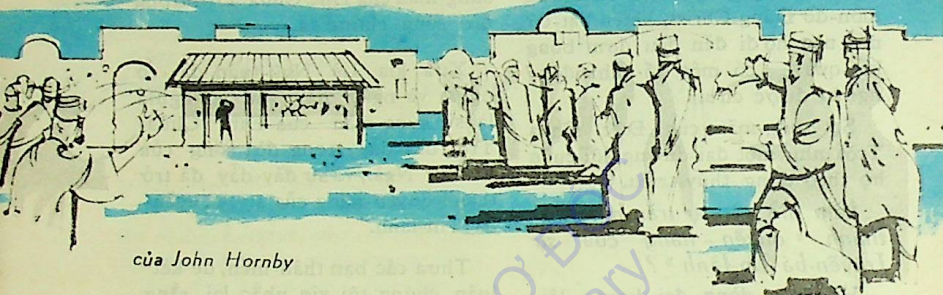
Thưa các bạn thân-mến, để kết-luận, chúng tôi xin nhắc lại rằng ý-nghĩa của Lễ Ngũ-tuần chẳng bao giờ thay-đổi. Nó có ý-nghĩa ngày nay cũng giống hệt như nó đã có ý-nghĩa xưa kia. Đó là :

1. Sự Sung-mãn của Đức Chúa Trời đang dành sẵn.
2. Sự Sung-mãn của Đức Chúa Trời có thể tràn-ngập linh-hồn chúng ta và đưa chúng ta ra khỏi bản-ngã của mình.
3. Sự Sung-mãn của Đức Chúa Trời có thể tràn-ngập linh-hồn chúng ta và sự tràn-ngập ấy sẽ trở thành quyền-năng của sự Truyền-bá Tin-lành.

Bạn đã từng quen với Lễ Ngũ-tuần chưa ? Bạn đã từng được đầy-dẫy sự sung-mãn của Đức Chúa Trời chưa ? Đó là điều bạn có thể đẩy bạn ạ !

Mục-sư G. W. HUNT

NHÀ TRUYỀN - GIÁO TÀI - HOA



của John Hornby



MẮT tròn tròn, đầu bù tóc rối, các giáo-sĩ Hồi-giáo đang mê-man múa nhảy ở giữa một đường phố đông dân Ai-cập ở Le Caire. Chân họ bước mỗi lúc một mau hơn, nhịp theo tiếng trống đồn-dập và tiếng kèn thổi-thúc; bầu không-khí chung quanh cũng như thêm phần căng thẳng. Khi mê-man cuồng-loạn tới cao-độ, đám giáo-sĩ cuồng-tin này có thể xoay ra rạch cắt da thịt, vì họ tin-tưởng mù-quáng rằng làm vậy sẽ khiến đức Allah hài lòng. Và ở Ai cập vào những năm đầu thế-kỷ thứ 20, họ còn có thể xông vào tấn-công luôn cả khách đứng

coi, thứ nhất nếu những người này lại là người ngoại-quốc.

Một người Tô-cách-lan cao và gầy, mắt đeo kính trắng, từ nãy vẫn đứng điềm-nhiên trên hè đường. Ông ta không chú ý theo dõi cuộc nhây múa bằng lắng tai nghe. Chốc chốc ông lại cúi xuống ghi lên cuốn sổ cầm trong tay mấy nốt nhạc ông nghe được.

Đối với những ai chưa từng quen biết Temple Gairdner, nhà truyền-giáo, thì hành-động ấy quả thật là kỳ-dị. Ngay chính đối với ông, ông cũng vẫn còn cảm thấy việc ông làm là lạ-lùng. Ở đây, giữa lòng thế-giới Ả-rập, ông đang đứng nghe và soạn nhạc, trong khi mà, mới chỉ cách đây

vài năm thôi, ông đã từ bỏ nhạc để nghe theo tiếng gọi của Chúa tới làm nhà truyền-giáo ở mảnh đất xa lạ này. Khi Gairdner từ bỏ đám nhảy múa ở ngoài phố để tiến sâu thêm vào việc soạn nhạc Cơ-Đốc cho người Ả-rập, ông hiểu ngay rằng chính Chúa đang vạch cho ông một con đường đi hoàn-hảo trên đời.

Mỗi tài-năng mà Temple Gairdner đã đem cung-hiến lên cho Christ khi còn là một sinh-viên xuất-sắc ở Đại-học Oxford, Anh-quốc, khi ấy lại được Ngài ban trở lại cho ông gấp mười để dùng vào việc truyền-bá Phúc-Âm ở Ai-cập. Những tài-năng này đã giúp tạo lập được một giáo-đường bề thế cho người Ả-rập, một trung-tâm khảo-cứu cho các giáo-sư, một tiệm sách và trung-tâm thảo-luận Cơ-đốc, một hội thông-công liên giáo, và một nhà xuất-bản truyền-giáo vững-vàng — tất cả những cơ sở này nay vẫn còn phồn-thịnh.

Sinh ở Tô-Cách-Lan năm 1873 con trai một giáo sư ở Đại-học Glasgow, Gairdner được liệt vào hàng những sinh-viên hũa-hẹn nhất ở Oxford về các bộ môn nhạc,

soạn kịch và ngôn-ngữ học. Ông cũng còn sáng chói trong địa-hạt điền-kinh, nhất là bơi thuyền, và nhờ tinh-tinh khả-ái, ông đã chiếm được cảm-tình của nhiều người nhất trong đời sống xã-hội ở Đại-học Oxford.

Thân-quyển của ông đều lấy làm hãnh-diện về ông. Họ nói một cách đầy tin-tưởng : « Rồi Temple còn tiện xa nữa, và sẽ là một nhân-vật nổi tiếng trên thế-giới. »

Em của ông là Hugh, và cũng là người bạn thân nhất của ông, tin-tưởng anh hơn ai hết. Nhưng rồi một lần, khi Temple Gairdner về nhà nghỉ hè, Hugh bỗng bị đau nặng.



Trong hai tuần lễ liền, Temple không xa rời giường bệnh của em. Trong những tuần-lẽ này, ông chỉ còn biết tìm nguồn an-ủi trong sự cầu-nguyện.

« Lay Chúa » ông cầu-nguyện không thôi, « xin Chúa đừng đem Hugh đi ! Xin Chúa hãy đề cho em con được sống. »

Nhưng, Hugh chết...

Trong mấy ngày sau đây, vừa cầu-nguyện, vừa tìm hiểu, Temple dần dần tin rằng Chúa đã làm điều hay hơn hết, mặc dầu Ngài đã không nhậm lời cầu-nguyện thiết-tha của ông. Ông được Chúa ban cho đủ sức đề chịu đựng nỗi đau thương mất đứa em thân-mến

Hơn thế nữa, ông lại còn được Chúa dụ-dắt chỉ cho biết nẻo đường nên đi, nghĩa là từ-bỏ hết mọi tham-vọng nơi hạ-giới này, và nếu cần, thì từ-bỏ luôn cả cuộc đời của ông để đi theo Chúa.

Gairdner trở lại trường đại-học Oxford, nhưng đổi sang theo học môn triết và thần-học. Sau khi cảm thấy đã được chuẩn-bị đầy-đủ, ông mới xin với Hội-Thánh Anh-Quốc hãy thuê-dụng ông vào bất cứ công-việc gì có ích.

Chi-nhánh truyền-giáo thuộc Hội-Thánh Anh-Quốc liền cho tin ông hay là Hội-Thánh đang cần một người giúp Hội tổ-chức một

(xem tiếp trang 52)

Nhiệm-vụ Đã Làm Xong

David Livingstone, nhà truyền-giáo trứ-danh tại Phi-châu đã theo Chúa trọn đời. Ông đã giảng Tin-lành cho dân tộc sống nơi tăm tối này bằng bạc nhiều năm. Một ngày kia, Stanley đã tìm gặp được Livingstone tại giữa miền Phi-Châu sau khi đã tìm-kiếm khá lâu. Stanley muốn Livingstone trở về Anh-quốc, tại đó ông sẽ được Nữ-hoàng phong tước «hiệp-sĩ » và được hàng ngàn kẻ thán-phục chào đón.

Hơn nữa có bao lý-do khác mà đứng trên phương-diện con người Livingstone cần phải trở về nước Anh. Năm tháng đã trôi nặng trên đôi vai và bước chân khó nhọc đã ngăn trở ông. Ông vẫn thường phải nghỉ-ngơi khá lâu. Thế nhưng, Livingstone đã bảo với Stanley ; « Không, tôi không thể trở về Anh-Quốc. Không thể được. Tôi phải làm tròn nhiệm-vụ Đức Chúa Trời đã giao cho tôi ! » Thế rồi Livingstone ở lại Phi-châu, trung-thành theo Chúa đến trọn cuộc hành-trình dương thế này.

Nỗi lòng 20

Tuổi 20, linh-hồn NGƯỜI buốt lạnh
thê-xác NGƯỜI mới-mòn
niềm-tin vỡ từng mảnh
cuộc-đời hiện-hữu buồn

Tuổi 20, NGƯỜI đón-nhận đê-vỡ
danh-vọng, khe thở dài
tương-lai, lòng nức-nở
trần-thế, say miệt-mài

Tuổi 20, hồn-thơ NGƯỜI lạc-lỡng
giữa trăm ngàn điệu buồn
lời thơ cần-cối giọng
mãi-miết khúc sầu-vương

Tuổi 20, NGƯỜI hờn trách thời-đại
nhân-thế thiếu tình-thương
chém giết nhau mãi mãi
gây tang-tóc bốn phương

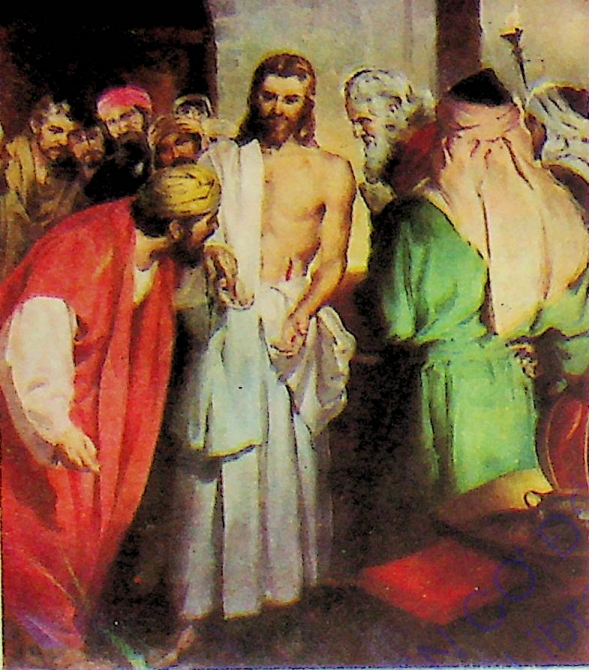
Tuổi 20, NGƯỜI sống trong ảo-ảnh
đệt giấc mơ đặc-thù
mang hành-trang ca-thán
thèm-khát thuở khai-sơ

Tuổi 20, NGƯỜI đi tìm lẽ sống
bàn tay víu thời-gian
đợi chờ nguồn hy-vọng
giữa mùa Thu muộn-màng

Tuổi 20, NGƯỜI gục đầu sấm-hối
trong bề khô cuộc đời
NGƯỜI tìm về Thượng-đế
bày-tỏ nỗi-lòng 20

Hoài-thu Khắc-Minh





THEO

ĐỜI

SỰ

CHẾT

M. S. Quoc Foc Wo dịch

Kinh văn . « Chúa Jêsus phán : Ta là sự sống lại và sự sống. Kẻ nào tin ta dầu đã chết, cũng chắc sống ; còn ai sống mà tin Ta, thì đời đời hẳn chẳng hề chết. Người tin điều đó chẳng ? »

Tin-Lành Giảng 11 : 25-26

M

UỐN tìm-hiểu nguyên-nhân sự chết, bạn phải xem bạn đang sinh sống tại chỗ nào trên thế-giới để quyết-định bạn có thể chết vì nguyên-nhân nào. Gần đây, văn-phòng vệ-sinh thế-giới của Liên-hiệp-quốc, căn-cứ vào bản thống-kê các nơi trong

năm 1961, có công-bố về nguyên-nhân sự chết như sau :

Tại các nước thịnh-vượng và tiến-bộ (chẳng hạn như Anh-quốc,) phần nhiều nguyên-nhân sự chết là vì con người bỗng dưng mắc các chứng bệnh về tâm, tạng và ung-thư. Còn tại các nước nghèo-khổ và còn có vẻ lạc-hậu (ví-dụ như Ấn-độ), các chứng-bệnh truyền-nhiễm dẫn đầu trong

nguyên-nhân của sự chết.

Những người dưới bốn mươi lăm tuổi ở khắp nơi trên thế-giới, phần nhiều chết cách bất-ngờ. Còn những người trên sáu mươi lăm tuổi, phần nhiều chết vì các chứng bệnh tâm tạng.

Căn-cứ vào bản thuyết-trình của văn-phòng vệ-sinh thế-giới, trong hai mươi hai nước «văn-minh Tây-phương» trên thế-giới, tỷ số chết về bệnh tâm tạng là 45 phần trăm, sau đó là bệnh ung-thư.

Tại Phi-châu, Á-châu và Nam Mỹ-châu có mười hai nước mà nguyên-nhân cái chết của những người mới thành nhân là các chứng bệnh truyền-nhiễm (phần lớn những bệnh này đã được các nước tây-phương trừ được rồi).

Tại Nhật-bản ba thứ bệnh ho lao, tự sát và tự hại là nguyên-nhân chết-chóc giữa những người từ 15 đến 44 tuổi. Sau đó mới đến những cái chết bất-ngờ. Tại Kha-luân-tế-á và Mẽ-tây-cơ, chết vì mưu sát và đấu-tranh dẫn đầu.

Sở-di văn-phòng vệ-sinh của Liên-hiệp-quốc làm bản thống-kê tỉ-mi ấy là cốt giúp loài người

biết họ có thể sống cách mạnh-khỏe hơn, và cho y-giới dễ bề nghiên-cứu cách trị-liệu các chứng bệnh đã đề-cập đến.

Nhưng có hai điều hiện rõ như bảng chỉ đường trước mắt chúng ta, đó là :

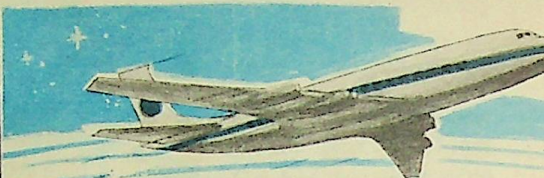
1. Người ta thế nào rồi cũng có một ngày phải chết ;

2. Những sự - kiện bất - ngờ khiến cho sự sống vô bảo-hiêm và không được an-toàn là vì cả đời người ta cứ lần tránh không chịu nghĩ đến vấn-đề chết-chóc.

Vì sao như thế ? Mặc dầu trên thế-gian không có một việc nào tự-nhiên hơn sự chết-chóc, nhưng ít khi nó trở thành đề-tài chính cho sự đàm-đạo và suy-tưởng của người ta.

Trong khi có một bạn-hữu hoặc thân-thuộc qua đời, thế nào chúng ta cũng không khỏi có phần thương-tiếc. Trong nhà, đừng nói gì đến con người, ngay đến một con vật chết đi, chúng ta cũng không khỏi ngậm-ngùi. Và theo tâm-lý, vì muốn tránh sự thương-tiếc mà chúng ta muốn tránh không suy-nghĩ đến sự chết-chóc.

(xem tiếp trang 49)



chồng tôi là



một phi-công

Nhiều người hỏi tôi :

“Bà có lo-sợ về việc chồng bà phải bay luôn luôn không?”

SAN Juan, Buenos Aires, Rio de Janeiro, Nũ-ước, Philadelphia, Cựu-kim-sơn, Lisbon, hoặc La-mã — Charles, tức là chồng tôi, đã từng ở tất cả những nơi đó. Từ 27 năm qua, tôi đã sống với một người chồng là phi-công hàng-không thương-mại nên tôi đã được biết nhiều về cái thế-giới của chúng tôi. Tôi cũng đã trải qua một vài trường-hợp nguy-hiêm của một cái nghề như vậy.

Khi tôi gặp Charles Elmore lần đầu, tôi hiểu rằng lái phi-cơ sẽ là mối quan-tâm chính trong đời sống của anh. Anh học lái phi-cơ trong Hải-quân, và trong trận Thế-chiến Thứ hai, anh bay chặng đường gọi là Đạn đại - bác

của Gladys Elmore

như đã kể cho Bill Krutza nghe

(Cannonball) sang Phi-châu, Ấn-độ và vượt Đại-tây-dương tới Casablanca.

Thoạt đầu, tôi lo-ngại về việc anh là một phi-công hàng-không thương-mại. Hễ phi-cơ rớt là chắc chắn nguy tới tính-mạng, nhưng anh không sợ chết mặc dù anh chưa được chuẩn-bị sẵn-sàng để chết. Tôi biết Đấng Cứu-thể và cố-gắng giảng giải cho anh biết con đường cứu-rỗi linh-hồn. Nhưng anh nói với tôi rằng lời làm chứng của tôi nghe như một thứ tiếng ngoại-quốc — nó không có nghĩa gì cả.

Tuy nhiên, tới một ngày Chúa-nhật, khi chúng tôi tới nhà thờ Trường-Lão Shenandoah ở Miami, tiểu-bang Florida, ánh sáng vinh-quang của Christ đã chiếu vào

hồn anh— Christ đã trở thành Cứu-Chúa của chính anh. Lúc đó, trở lại đạo đã được hai năm.

Từ ngày đó, Chúa dùng Chuck trong cả Hội Doanh-thương Cơ-đốc (CBMC) lẫn công-việc giáo-hội ở địa phương. Nhưng những kinh-nghiệm kỳ-diệu nhưt của anh xảy đến cho anh trong một buổi làm chứng lặng-lẽ cho phi-hành đoàn và hành-khách của hãng hàng không. Mặc dù người phi-công không thể rời buồng lái trong thời-gian quá ba phút, chồng tôi đã có nhiều cơ-hội để sử-dụng những giây phút quý-báu đó cho việc làm chứng. Anh tin chắc một cách tuyệt-đối rằng Chúa đã đem lại cho anh những cơ-hội đó.

Trong một chuyến bay đi Nam Mỹ-Châu, một người thợ máy cầm đầu một nhóm thợ máy, bắt đầu nói chuyện với chồng tôi. Rồi chẳng mấy chốc, cả nhóm thợ máy bắt đầu nghe người đó và chồng tôi bàn-luận về sách Phúc-âm. Họ bị buộc phải ngồi nghe vì không có chỗ nào khác để mà ngồi.

Charles nhận thấy cuốn Kinh-Thánh bỏ túi là cuốn sách nhỏ hiệu-nghiệm nhưt để đem phân phát cho những người khác. Thánh-

Linh dùng những câu Thánh Thư chọn lọc để chỉ đường cho những kẻ phạm tội đến với Đấng Christ.

Tại phi-trường Brazilia, một người thợ máy làm công-việc tiếp-tế nhiên-liệu cho phi-cơ, hớn-hở nhận một cuốn Kinh-Thánh bỏ túi in bằng tiếng Bồ-đào-nha. Rồi lập tức, người đó năn-nỉ: « Ông có thể kiểm cho tôi 100 cuốn như thế này để tôi đưa đến các trường học ở đây không? Những cuốn sách đó sẽ giúp ta chống lại chủ-nghĩa vô-thần. » Đến chuyển thứ hai, Charles mang sách tới, tin-tưởng rằng Chúa sẽ dùng những cuốn sách đó không những chỉ để chiến-đấu chống chủ-nghĩa vô - thần mà còn để đem những học-sinh về với Chúa.

Rất ít người từ-chối không nhận cuốn Kinh-Thánh bỏ túi. Và tuy chúng tôi không đề tên chúng tôi vào những cuốn đó, hoặc không biết tất cả những cuốn sách đó đang được sử-dụng như thế nào, chúng tôi tin-tưởng rằng Chúa sẽ thực-hiện lời hứa của Chúa: « Lời nói của ta cũng vậy, đã ra từ miệng ta thì chẳng trở về luống-nhưng, mà chắc sẽ làm trọn điều ta muốn, thuận-lợi công-việc ta đã sai-khiến. (Ê-sai 55 : 11).

Người xuất-bản một số trong số những cuốn Kinh-Thánh bỏ túi bằng tiếng Tây-ban-nha mà Charles đã đem phân phát, đã nhận được nhiều thư-từ gửi tới. Thực ra, người đó đã bảo chồng tôi tìm cho một người cung-cấp sách nữa trong một thời-gian ngắn, để người đó có thể phúc-đáp kịp những thư từ của những người gửi tới hỏi-han về đạo.

Khi biết rằng Chúa đang được tôn-vinh trong một số những người mà chồng tôi đã tiếp-xúc, chúng tôi rất vui-mừng. Và tôi tin-tưởng rằng Chúa sẽ được tôn-vinh khi tôi làm chứng cho uy-lực bảo-vệ của Ngài trước những kẻ hỏi tôi: « Bà có lo-sợ việc chồng bà phải lái phi-cơ luôn luôn không? »

Thật kỳ-diệu biết bao khi có thể trả lời: « Chồng tôi thuộc về Chúa, và Chúa sẽ phù-hộ cho chồng tôi. »

Vài người bạn thân mà tôi gặp để cùng cầu-nguyện, nhắc tới anh hàng ngày. Một buổi sáng, một người trong số đó thức dậy vào lúc 6 giờ để cầu - nguyện, chính lúc đó cũng là lúc mà Charles đang vứt bỏ đi 40 tấn (khoảng 45 ngàn lít) nhiên-liệu để đáp phi-cơ xuống Rio de Janeiro trong một trường-hợp nguy-cấp vì phi-cơ hỏng bộ-phận dẫn nước. Phi-cơ đáp xuống không gặp trắc-trở gì cả.

Phần lớn những chuyến bay của Charles không gặp chuyện gì

NGƯỜI CỌP

Một nhà thám-hiêm Pháp ngày kia đến miền thuộc dân Barotsi tại Phi-châu ông đã nghe được nhiều chuyện về ông vua bản xứ nổi danh là « Người Cọp », vì sở-thích chính của vua này là tra-tấn đến chết kẻ nào làm phật lòng ông. Ngày kia, nhà thám-hiêm đến một địa-diềm truyền-giáo nọ, vị Mục-sư ở đây, cũng là người Pháp, có mời ông đến dự buổi nhóm ngày Chủ-nhật, thật ra nhà thám-hiêm này không hề biết gì về Đức Chúa Trời nhưng cũng nhận lời đi nhà thờ vì phép lịch-sự và đã ngồi nghe đến lúc buổi nhóm bế-mạc.

Sau giờ nhóm, nhà thám-hiêm hỏi vị Mục-sư: « Người có vẻ mặt lạ lạ ngồi kế tôi và chăm-chú nghe ông giảng đó là ai vậy? » Vị Mục-sư đáp: « Đó là vua Lewanika, « Người Cọp » đấy. Ông ta đã tin Chúa và là một tín-dõ trung-thành trong Hội - thánh đây! » Nhà thám-hiêm nói: « Ồ, nếu đó thật là điều Christ có thể làm thì tôi rất muốn thuộc về Ngài. »

thình-lình xảy ra cả. Đây là sự đáp-ứng cho lời cầu-nguyện, tôi tin chắc như vậy.

Từ bao năm, sau mỗi chuyến bay, chồng tôi và tôi cảm ơn Chúa đã đem chồng tôi trở về an-toàn. Với trên 20 ngàn giờ bay đã ghi vào sổ, chúng tôi ngạc-nhiên khi xem lại cái chương-trình bảo-đảm an-toàn của Chúa.

Mỗi khi nghĩ tới chông tôi đang bay với một tốc-độ 575 dặm Anh một giờ, trên độ cao khoảng hơn 10 ngàn thước và cùng với 135 hành-khách trên một chiếc phi-cơ kiểu D-C 8, tôi hiểu rằng chông tôi cần những lời cầu-nguyện của tôi biết bao. Tôi cũng hiểu rằng chúng tôi phục-vụ một vị Chúa kỳ-diệu làm sao. Điều này ràng-buộc chúng tôi vào chung một mối lo-lắng cho tất cả những người hành-khách và phi-hành đoàn, những người không sẵn-sàng đón gặp Chúa trong trường-hợp nguy-cấp.

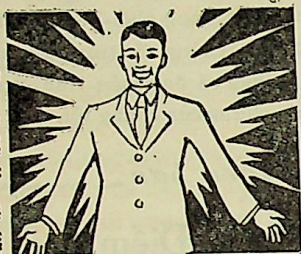
Là vợ một phi-công hàng-không thương-mại, tôi nhận thấy rằng cái nơi tốt nhất để từ-giã một người chông phi-hành gia không phải chỉ là ở một phi-trường, mà cả ở trong tay của một vị Chúa

Thiên-hựu nữa. Như vậy thì dù trong khoảnh-khắc chúng tôi đã xa nhau hàng dặm đường, chúng tôi cũng được cùng phối-hợp vào mục-đích của chúng tôi trong đời sống là : Chúa sẽ được tôn-vinh qua sự làm chứng của chúng tôi.

Ngon hơn

Bữa Điềm-tâm

Trong một ngôi trường học ở Nhật, một giáo-viên hỏi các em học-sinh có ai chưa ăn điềm-tâm không, để xem thử có bao nhiêu gia-đình thiếu-thốn. Một em bé chín tuổi đưa tay lên. Biết rằng em này ở trong một gia-đình khá-già, giáo-viên hỏi em tại sao không ăn điềm-tâm ? > Cậu bé trả lời : « Gia-đình chúng tôi không ăn trước khi dự bữa ăn thiêng-liêng. Sáng nay tôi dậy trễ nên sau khi ăn đồ thiêng-liêng thì phải đi học ngay không kịp ăn điềm-tâm .» Cậu giải-thích rằng gia-đình cậu mỗi ngày đều cố đọc những khúc Kinh-Thánh của Hội đọc Kinh-Thánh .Giáo-viên và các học-sinh khác rất cảm-xúc, nên có chừng mười lăm người đã gia nhập Hội đọc Kinh-Thánh để đọc Kinh-thánh mỗi ngày.



KHUÔN MẶT CON NGƯỜI

*của một giáo-sư thân gửi
các em học trò*

LÊ NGỌC HÂN



ÌNH ẢNH về cuộc đời của con người là một «Con lừa» chạy theo một cái xe bò chộp lấy « củ cà rốt » thò ra bên ngoài.

Con lừa không thể chạy theo xe bò để lấy củ cà rốt vì nó «chạy theo một cái xe đang chạy». Củ cà-rốt ngon ngọt nhưng trên vai con lừa chất đầy hành trang. Con người trong chuyến đi tra hỏi hạnh-phúc trên vai mang nặng nhiều bản cáo trạng với niềm xao xuyến, lo sợ và băn-khoăn.

Con người đi tìm tự do, nhưng bao giờ tội trạng cũng xiềng xích nơi tâm tư. Hình ảnh một tội-nhân đứng trước song cửa khám tù. Con người chập chờn giữa bóng dáng củ cà-rốt và tâm trạng bi đát của thân phận làm người. Đó là cuộc đời. Con người chính là cuộc đời nên không thể đứng ngoài cuộc đời để nhìn về cuộc đời và giải quyết mọi thảm-trạng của cuộc đời ấy. Con người không thể đứng trước cuộc đời như đứng trước một lọ hoa đang đề trên bàn, một chiếc đồng hồ treo trên vách tường. Vì thế tuy sống trong đau khổ, bị kết thúc bằng cũi chết nhưng con người không thể bàn định sự đau khổ, sự chết như bàn về một vật rơi trên không xuống mặt đất. Do đó con người là một vật biết tra

hỏi về chính mình, nhưng khi làm việc ấy, con người chỉ có thể tra hỏi bằng sự lẩn trốn và im lặng trong khi sự chán chường mỗi ngày thêm dày đặc trên cảm-thức của con người. Như thế thân phận làm người là thân phận chạy trốn trước hiện trạng về đời người. Chạy trốn để mang theo bên mình một xao-xuyến, sợ-hãi và băn khoăn vô tận.

Xao xuyến là một phim tình cảm không có đối tượng. Điều làm cho con người xao xuyến không phải là cái này cái kia. Người xao xuyến không biết bởi đâu mà xao xuyến, chỉ thấy sự đe dọa bủa giăng khắp nơi, không chỗ nào rõ rệt cả, theo như Paul Claudel đã nói: «Chúng ta không có chỗ ở đích thực» tình cảnh vừa quen thuộc vừa xa lạ và thù địch.

Và rồi sự tranh đấu trong cuộc sống đã biến dạng niềm xao xuyến con người ra sợ hãi. Sợ hãi chiến tranh, sợ hãi sự chết, sợ hãi sự day nghiêng của thân phận làm người trước sự tiến bộ của khoa học và máy móc. Sau thế chiến thứ hai, người ta ngỡ rằng khoa học và kỹ thuật sẽ hàn gắn bộ mặt đẫm máu của con người bằng một mức sống vật chất kiện toàn. Nhưng trong cái sung sướng vật chất khoa học ấy, con người dần dần trở thành máy móc và bị tước đoạt quyền sở hữu cá nhân. C.V. Gheorghiu trong tác phẩm Giờ thứ 2) đã viết: « Loài người bắt buộc phải sống và cư xử theo lệ luật kỹ thuật trái với nhân đạo. . . Sau cùng loài người không thể sống trong xã hội mà còn giữ được đặc tính của loài người nữa. Họ sẽ bị coi như bình đẳng, đồng đều theo những luật lệ hết như những định luật áp dụng cho máy móc.» Chỗ khác tác giả lại viết «Con người chẳng còn quyền cá nhân được sống, sẽ bị coi như một bộ phận trong máy móc và sẽ bị chế giễu nếu họ muốn sống riêng biệt cá nhân.»

Biến thái thứ hai của xao-xuyến là băn khoăn. Tuy mang một thân phận sa đọa nhưng con người không thể là một con vật im lìm bất động, nó băn-khoăn giữa cái ngục tù của chính nó và một cái gì siêu việt ẩn giấu trong tiềm thức. Những tình cảm chán nản băn khoăn này được phô diễn rõ rệt qua những tác-phẩm

văn chương của thế hệ trẻ, qua những phong trào ái mộ tài tử điện ảnh như : Marlon Brando, James Dean, Yul Bryner, Brigitte Bardot v.v... hoặc những phong trào cuồng loạn giữa thuốc lá, whisky, nhạc jazz, khiêu vũ, những mối tình dục vọng thoả qua. Họ cố sống bên ngoài cuộc đời, bên trên pháp luật và bất kể dư luận. Cái thế hệ tuổi trẻ chán mửa ấy được diễn tả rõ rệt qua câu nói của thi sĩ W. Borchert : « Chúng tôi là thế hệ không tình thương nổi kết không chút gì sâu-xa. Chiều sâu của chúng tôi là vực thẳm. Chúng tôi là thế hệ không hạnh phúc, không gia đình và không biết đến lời từ biệt nhau. Mặt trời của chúng tôi nhỏ hẹp, tình yêu của chúng tôi man rợ, tuổi trẻ của chúng tôi không có thanh xuân. Chúng tôi là Thế-hệ không có biên - giới, không cương-tỏa và cũng không có cái gì che-chỡ nữa. »

Như thế con người không thể mượn phương tiện vật chất như đã kê trên để thoát khỏi khuôn mặt ngục tù của thân phận làm người. Và cuối cùng phải lấy sự phi-lý để cắt nghĩa cuộc đời, lấy bản năng dục-vọng và cảm-giác làm lẽ sống.

Theo Kierkegaard, tình cảm nguyên-ủy về hiện-hữu của phận làm người là mặc-cảm tội-lỗi của một cá nhân trước Thượng-đế. Sự liên-lạc giữa Thượng-đế và con người bị gãy đổ. Từ đó con người lại cảm thấy bị bỏ rơi, độc thoại trong niềm xao-xuyến không phương giải-thoát.

Kinh Thánh cũng xác nhận địa-vị tội phạm của con người : « Miệng họ đầy những lời nguyên-rủa và cay-đắng. Họ có chơn nhẹ nhàng làm đồ máu. Đường lối họ đầy những sự tàn hại và khổ nạn. Họ chẳng biết con đường bình-an. Họ chẳng kính-sợ Thượng-đế trước mặt họ. » Từ khi cách biệt với Thượng-đế, vi phạm tội con người mất sự sống và tình yêu thuở ban đầu. Tâm-hồn con người trống rỗng, chính đấy là nguồn gốc của « xao-xuyến, sợ-hãi và băn-khoăn. » Con người chỉ có thể thoát khỏi bộ mặt ngục tù sa-đọa khi thiết-lập trở lại sự liên-lạc giữa chính nó và Thượng-đế. Đây là một vấn đề mà con người chỉ cần chấp nhận trở lại tình yêu lạc mất ban đầu. Thượng-đế thiết-tha nhân nhủ với con người : « Hỡi những kẻ nào khát, hãy đến suối nước ! Và người nào không có tiền bạc, hãy đến mua mà ăn ! Hãy đến mua rượu và sữa mà không cần tiền, không đòi giá. Sao các người trả tiền để mua đồ không phải là bánh ? Sao các người đem công lao mình đổi lấy vật chẳng làm cho no ? Hãy

ngiêng tai, và đến cùng ta, hãy nghe ta, thì linh hồn các người được sống. » (Ê-sai 55 : 1-3).

Vâng, duy có Thượng-đế mới có đủ thẩm quyền bôi-xóa về mặt ngục tù của tuổi trẻ, của đời người. Bởi tình yêu Thượng-đế đã trở thành người để đến nhân loại. Ngài chịu chết trên thập-tự vì tội phạm của con người. Kinh Thánh chép : « Thượng-đế tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết. » Chúa Jê-sus-Christ chính là Thượng-đế đến thế-gian để bôi xóa tâm-trạng đau thương và về mặt hốt-hoảng của nhân thể và ban cho con người sự sống vĩnh cửu vì chính Ngài đã đấng-thắng sự chết. Sau ba ngày trong mồ-mả Ngài đã sống lại. Ai có thể phủ nhận được sự sống lại của Ngài ? Vì sự Phục Sinh của Cứu Chúa Jê-sus Christ là một sự-kiện lịch-sử hiển nhiên.

Các bạn nghĩ sao ? ?

Một giáo-sư thân gửi các em học trò
LÊ-NGỌC-HÂN

Cây Gươm

Ralph C. Norton là giám-đốc cơ-quan cá nhân truyền đạo của Hội Truyền-giáo Chapman Alexander, và giám-đốc Hội Truyền-giáo Tin-lành Bi-quốc, nói chuyện với mấy người bạn về công cuộc chinh-phục từng người một cho Chúa, Chúa đã trọng-dụng ông trong công việc tối-hệ này. Khi họ nhận thấy ông trong khi làm chứng cứ dùng Kinh-thánh một cách hầu như võ đoán thì hỏi ông : « Ông Norton, nếu người chưa được cứu không tin là Kinh-thánh có thẩm-quyền thì ông làm thế nào ? » « À, nếu tôi có một cây gươm có hai lưỡi bén nhọn thì trong lúc chiến đấu không thề nào chỉ vì người kia không tin gươm ấy cắt đứt được mà tôi tra gươm vào vỏ đâu. »

Giờ

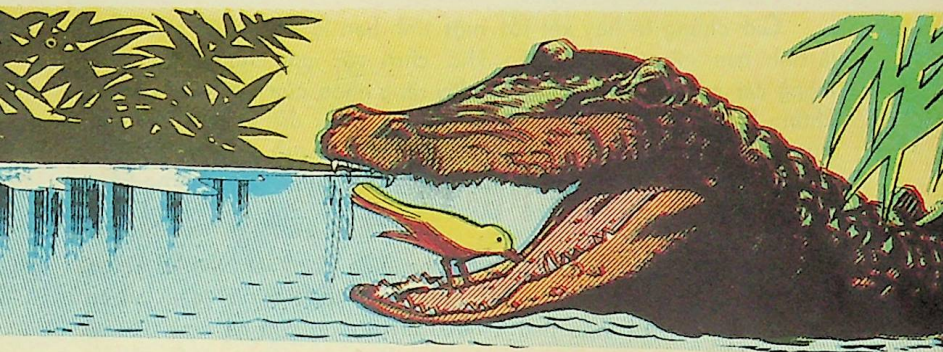
ĐEN TỐI nhất



ẤN-si R.A. Torey là một nhà truyền-đạo trú - danh đã được Đức Chúa Trời dùng cứu-vớt nhiều linh-hồn hư mất về cho Ngài. Khi còn trẻ, tấn-si Torey đã chìm sâu trong tội-lỗi. Ông không tin gì nơi Đức Chúa Trời, Kinh-thánh, Thiên-đàng hoặc Địa-ngục. Nhưng mẹ ông là một tín-đồ rất sốt-sắng. Bà thuyết-phục ông quay về với Đức Chúa Trời để được tha-thứ và cầu-nguyện cho ông. Cuối-cùng, ông bảo với mẹ: "Con chán lắm rồi. Con sẽ bỏ nhà đi để không còn quấy-rầy mẹ nữa! Mẹ sẽ không còn gặp con nữa đâu." Bà mẹ theo ông đến tận cửa và cổng vườn, khuyên nài, cầu-nguyện, âu-yếm và khóc-lóc. Tại cổng vườn, bà bảo: "Con ơi, đến lúc đen-tối nhất đời con, khi mà con thấy mất tất cả mọi sự, nếu con thành-tâm cầu-xin Đức Chúa Trời của mẹ con và tìm-kiếm Ngài, thì con sẽ được nâng-đỡ."

Bỏ nhà ra đi, Tấn-si Torey càng chìm sâu vào hố tội-lỗi. Cuối-cùng, tại khách-sạn một đêm kia, ông không thể nào ngủ được. Ông đã chán-ngán tội ác và luôn cả cuộc đời. Nằm mãi không ngủ được, ông tự nhủ: "Ta sẽ leo xuống giường, lại bàn lấy khẩu súng và kết-liều đời ta!" Lúc rời giường để thực-hiện ý-định khủng-khiếp ấy, ông nhớ lại lời mẹ: "Con ơi, đến lúc đen tối nhất đời con, khi con thấy mất cả mọi sự, nếu con thành-tâm kêu-xin Đức Chúa Trời của mẹ con, con sẽ được nâng-đỡ!"

Thanh - niên Torey liền quý xuống bên giường la lên: "Hỡi Đức Chúa Trời của mẹ tôi, nếu Hiện-hữu này có thật, xin hãy giúp tôi. Tôi cần ánh sáng. Nếu Ngài ban cho tôi, tôi sẽ theo Ngài!" Trong phút chốc, ánh sáng đã tràn vào linh-hồn đen-tối của chàng. Chàng đã nhận biết Đức Chúa Trời là Đấng đã giúp-đỡ chàng. Chàng biết rằng Christ là Cứu-Chúa của mình. Chàng vội-vã trở về nhà. Khi mẹ chàng nhìn thấy con, bà la lên: "Ồ, con tôi, mẹ biết chắc con trở về! Con đã tìm thấy Chúa! Đức Chúa Trời đã bảo với mẹ thế!"



Những bạn chân-tình

Ó bao giờ các em bận tâm suy nghĩ xem trong số bạn các em, có bao nhiêu người là bạn chân-tình và có bao nhiêu người chỉ là bạn « khi vui thì vỗ tay vào? ». Có lẽ phần lớn chỉ làm các em bực mình và mất thì giờ, nhưng cũng có một hai người quả thật đã là những bạn xứng-đáng của các em, vì đã giữ trọn tình bạn chân-thành với các em qua mọi thử-thách sóng gió ba-đào.

Nhưng các em thử nghĩ xem có lạ-lùng không, là trong số những giống vật, mà ta gọi là « ngu-đần » đã có những con vật đối xử với nhau một cách « bạn-hữu thâm-tình ». Tỉ như con chim sâu đậu trên lưng con tê-giác và ăn những con bọ bám trên người con này. Làm như vậy chẳng những con chim giúp cho con tê-giác thoát khỏi cái nạn bị loài bọ chết quấy phá mà nó còn tìm thấy trong những con bọ chết này một món thực-phẩm bổ dưỡng nữa. Ngoài ra, con chim còn kêu lên đánh tiếng cho con tê giác biết mỗi khi có một tai-nạn sắp xảy ra.

Giờ chúng ta hãy xét tới một tình bạn lạ-lùng khác nữa. Đó là tình bạn giữa con cá sấu khó chơi với con chim nhỏ đậu trong cái miệng dài ngoẵng và đầy răng nhọn của nó. Con cá sấu không bao giờ ăn thịt con chim này, vì lẽ... đó là bạn thiết của nó. Con chim đậu trong miệng con cá sấu để ăn những con đũa bám trên lưỡi con này, một công việc nhất cử lưỡng-tiện, vì vừa giúp ích cho con cá sấu vừa giúp ích cho con chim.

Một tấm gương bạn hữu thứ ba diễn ra ngoài biển cả, giữa đại dương bao la sóng dậy. Đôi bạn thắm-thiết ở nơi đây là con cá mập và con cá hoa tiêu. Người ta kể rằng con cá hoa tiêu có cái vòi bám vào con cá mập, hướng-dẫn con cá mập tới những chỗ nào có nhiều thực-phẩm ngon lành. Đều đặn ơn lại, con cá mập chẳng những không ăn thịt con cá hoa tiêu mà lại còn che-chở cho nó nữa.

Một tấm gương bạn-hữu kỳ lạ nữa là ở trong thế-giới loài côn-trùng, giữa con kiến lúa và con rận cây. Hai con này đã kết thành một cặp bài trùng rất là... tương-đắc. Con rận cây nhả ra một chất dính và ngọt rất được loài kiến lúa ưa thích.

Giống rận cây này khi nào được vuốt ve mơn-mơn thì lại nhả ra chất nhựa ngọt ngào nọ, chẳng khác gì con bò cái cho ta sữa vậy. Ấy thế là giống kiến lúa vắt sữa của chị bò rận cây và cất cho chị ta một cái ổ đẻ chị ta ở.

Ngoài những chuyện trên, còn biết bao nhiêu thứ tình bạn đẹp-đẽ và kỳ lạ trong thế-giới loài vật, tất cả chứng-tỏ cho ta thấy rằng Chúa đã lo-lệu hết thảy mọi việc trên thế-gian này một cách cực kỳ màu-nhiệm.

Nhân nói về những người bạn chân tình, thử hỏi các em thuộc về loại bạn nào? Bạn-hữu của các em có thể trông-cậy vào các em trong... cơn sóng gió ba đào không?

LINH-NĂNG HUYỀN-DIỆU

Tặng anh H.L.T. để nhớ một biến động lớn trong đời sống

Gió lộng ào ào

N. V. Sáng

cây rung, lá đổ

V.T.

như ngày xưa

Linh giáng-hạ lâu cao

ào ào ! ào ào !

lưỡi lửa hiện trên mỗi người bần khổ

bốn mươi ngày gian-khò

chữ mừng vui rao Danh Chúa Yêu-thương

quyền-năng Ngài ban xuống tự thiên-dường

cứu kẻ chết, nâng kẻ què đứng dậy.

Và hôm nay

quyền-năng ấy còn đây

đã bày tỏ trên tôi người đã chết !

tôi tội-lỗi, xấu-xa, đê-hèn, nhơ-nớp !

trong cuộc đời chìm đắm những truy-hoan

say danh-lợi, mê thói đời ô-trược

đương hư-mất tôi cứ lằm-lũi bước

tìm bóng hồng tha-thuốt quỵen đam-mê

rồi một hôm nổi chán-nản ê-chề

vụt chạy đến bên tôi ghê-gớm quá !!!

trên đường đời hôm qua, tôi vấp ngã

nhưng hôm nay Linh giáng-hạ trong tôi

vì thương-yêu Chúa cứu-rỗi tôi rồi

vui sướng quá ! vui sướng quá !

nguyên rao Danh Cứu-Chúa

còn những ai đơn cô, hay « góa-bụa »

đang chán-chường cuộc sống của ngày qua

hãy quay về,

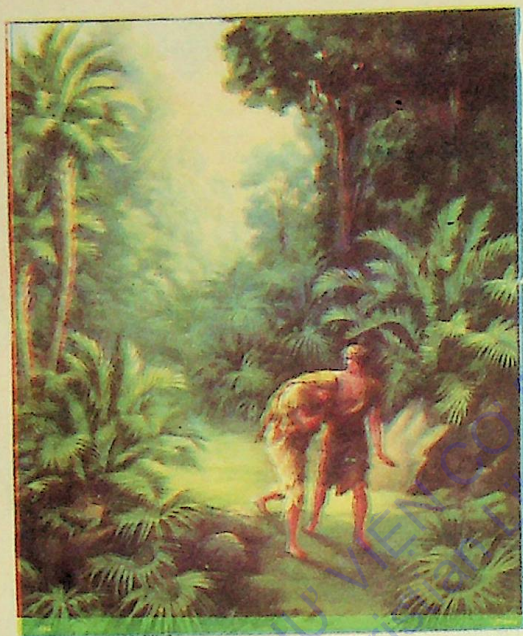
hãy chạy đến bên chân Cứu-Chúa

Christ-Jésus đang ngóng đợi chờ ta

bạn đường ơi ! hãy tỉnh giấc nam-kha

nguyện Linh giáng tràn lòng tôi và Bạn.

Nguồn-Sáng



Lẽ thật
Kinh-Thánh
Minh-họa
Illustrated
Bible
Truths

BÀI THỨ NĂM

KHOÁC chiếc áo bằng da thú, tồ-phụ đầu-tiên của chúng ta đã bị đuổi ra khỏi cảnh vườn Ê-đen để bước vào cuộc đời lao-khò của họ. Đức Chúa Trời đặt một thiên-sứ với thanh gươm lờì chói lửa nơi cửa vườn để họ không bao giờ còn có thể quay trở lại vườn được nữa.

LESSON FIVE

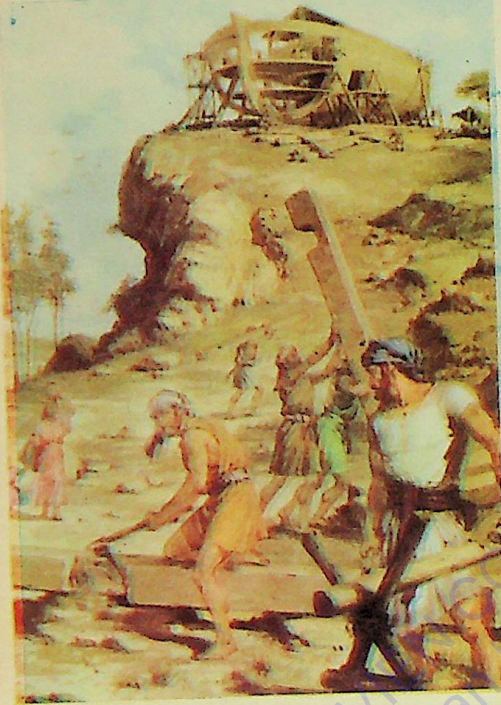
CLOTHED with the garments of skin, our first parents are sent from the garden of Eden to their life of toil. God placed an angel with a flaming sword at the entrance so that they could never return.

Đầu đã bị lên án chết về phần thân-thể, tuy nhiên A-dam biết rằng về phương-diện thuộc-linh ông đã vượt khỏi sự chết đến sự sống nhờ lòng tin trong Cứu-Chúa sắp đến — tức là dòng-dõi của người nữ. Ông bày-tỏ bằng-chứng rõ-ràng về đức-tin để được cứu-rỗi ấy bằng cách gọi vợ mình là «Ê-va», có nghĩa là sự Sống.

Bạn đọc thân-mến, Đức Chúa Trời sẽ tha tội cho bạn và ban cho bạn được sự sống đời đời nếu bạn chỉ đến cùng Ngài với một tấm lòng hối-cải và đức-tin thành-thật. Sờ-di được như vậy là vì Đấng mà Đức Chúa Trời đã phán hứa cùng A-dam và Ê-va quả đã đến thế-gian này trước đây ngót hai ngàn năm. Đức Chúa Jê-sus đã trở thành một Em Bé, rồi một Người Lớn, và Ngài đã chiến-thắng ma-quỉ bằng cách chịu chết trên thập-tự giá và rồi từ trong những kẻ chết sống lại. Rồi đây Ngài sẽ hoàn-toàn đánh bại ma-quỉ vào một trong những ngày mà Ngài trở lại trái đất trong quyền-năng và vinh-hiền lớn, để cai-trị và cầm quyền trên đất với tư-cách Vua của các vua và Chúa của các chúa.

Although condemned to physical death, Adam nevertheless knew that he has spiritually passed from death to life through faith in the coming Saviour — the Seed of the woman. He gave definite evidence of this saving faith by calling his wife "Eve", which means Life.

Dear reader, God will forgive your sins and give you Eternal Life if you will only come to Him in true repentance and faith. That is because that One Whom God had promised to Adam and Eve did come to this earth nearly two thousand years ago. The Lord Jesus Christ became a Baby then a Man, and He has conquered the devil by dying on the Cross and rising from the dead. He will conquer the devil completely one of these days when He returns in great power and glory, to rule and reign on this earth as King of kings and Lord of lords.



CÔNG

ĐẠI

HỒNG

THỦY

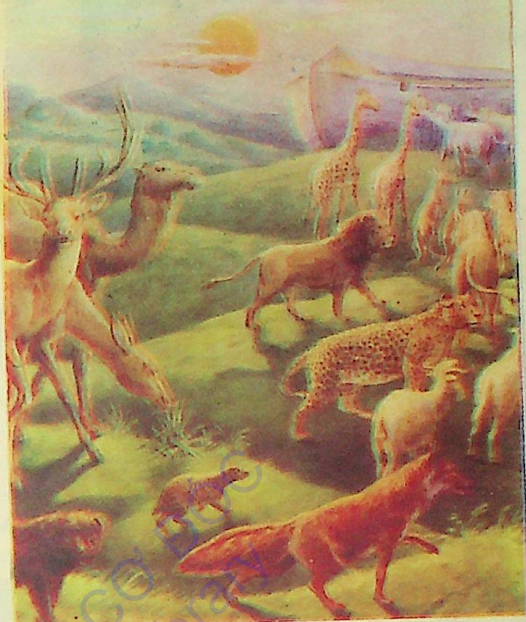
(Sáng 6.8)

MỘT dòng-dõi kính-sợ Đức Chúa Trời đã phát-sanh từ Sét, con trai thứ ba của A-đam. Đây là dòng-dõi chúng ta đọc thấy suốt cả Kinh Cựu-Uớc. Trong Sáng-thế Ký đoạn 5, con cháu của Sét được kể cho đến đời Nô-ê, một người có đức-tin đã trở thành người tin-cần và tiên-tri của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã tiết-lộ cho Nô-ê biết rằng vì loài người đã trở nên quá ư bại-hoại Ngài sẽ diệt hết mọi loài «xác-thịt» bằng một trận nước lụt. Nhưng Nô-ê phải đóng một chiếc tàu lớn để ông và gia-đình ông cùng với những thú-vật đủ loại có thể được cứu thoát.

FROM Seth, Adam's third son, descended a Godfearing line we read about all through the Old Testament. In the fifth chapter of Genesis Seth's descendants are traced down to Noah, a man of faith who became God's confidant and prophet. God revealed to Noah that because mankind had become so utterly corrupt, He would destroy «all flesh» by a flood. But Noah was to build a large boat so that he and his family and animals of every kind could be saved.

THE FLOOD

(Genesis 6-8)

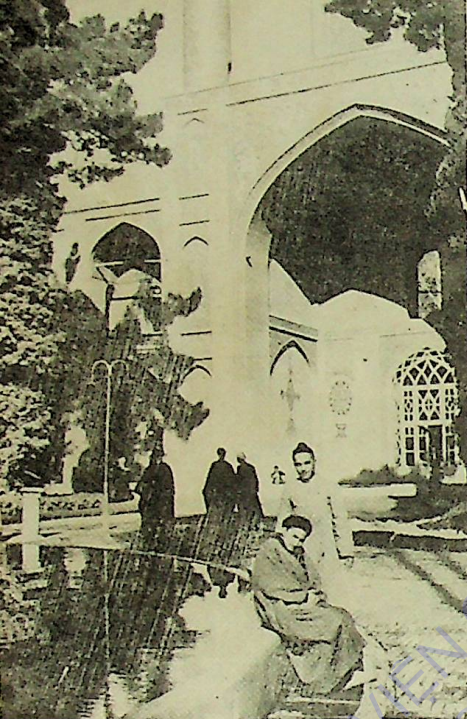


Chúng ta có thể tưởng-tượng khi Nô-ê hi-học đóng chiếc tàu hết năm này qua năm nọ, ông đã phải hứng chịu cả biết bao những lời nhạo-báng của những người chung quanh ông. Dầu họ có run sợ đến đâu khi mới nghe Nô-ê loan báo về tin nước lụt, thì rồi mỗi run-sợ ấy cũng lần lần tiêu-tán theo những ngày, những tuần, những tháng và những năm trôi qua, mà không thấy nước lụt đến chi cả. Mọi việc vẫn dẫu vào đó. Không có dấu-hiệu gì bất-thường xảy ra cả, do đó, theo lẽ tự-nhiên của lòng người, ai cũng tin-cậy những điều mắt trông thấy hơn là lời phán của Đức Chúa Trời; sự

We can well imagine that while Noah worked on his ark year after year, he must have had to stand a great deal of jeering from the people around him. Whatever feelings of terror they may have had when Noah first announced the flood, these were soon dispelled as the days, and the weeks, and the months and the years passed by, and no flood came. All things were as usual. There was no sign of anything out of the ordinary coming to pass, and so, as is natural to the human heart, men depended upon appearances more than on the Word of God; their fears

(coi tiếp trang 48)

(continued on page 48)



ông già

« THÁNH NHÂN »

(Sayyid)

*Cảnh thanh-tịnh bên trong khuôn viên
một Nhà Thờ Hồi-giáo tại Ba-tur*



CÂU chuyện của chúng ta lần này là một câu chuyện ở Ba-tur. Các bạn đã biết về cái xứ kỳ-diệu này và vị vua của xứ đó là Si-ru -khi các bạn đọc những cuốn Kinh-Thánh của các bạn. Có lẽ chính từ nơi đây, các bác-sĩ đã bắt đầu đi theo vì sao để tới Bết-lê-hem, cho tới khi họ thấy vì sao đứng ở ngay trên chỗ mà Chúa Hải-đồng dương nằm trong máng cỏ.

Tại Ba-tur, nhiều Nhân-viên phân-phát Sách đã đi từ thị-trấn này tới thị-trấn khác để mang bức tin-diệp về lòng yêu-thương

của Đức Chúa Trời đến cho dân-cúng. Nhưng không một nơi nào trên thế-giới mà các Nhân-viên Phân-phát Sách lại gặp khó-khăn nhiều hơn ở Ba-tur, và trong số những người mang Kinh-Thánh lại cho dân-chúng, không một ai dũng-cảm hơn là những người làm chính cái công việc đó tại Ba-tur.

Một trong số những người này tên là Hovhannes, làm việc tại Tê-hê-răng, thủ-đô của Ba-tur. Một ngày nào đó, anh vào một quán trà gần công thành-phố, gọi là công Kazvin, với cái túi đựng sách

của anh. Nhiều người đương ngồi ở các bàn, tán chuyện, nhấm nháp trà và ăn uống. Anh tới gần một bàn, và lễ-phép hỏi xem họ có muốn mua sách Phúc-âm không. Tôi phải nói đề các bạn rõ rằng phần lớn người Ba-tư là tín-đồ Hồi-giáo, nghĩa là họ tin rằng Ma-hô-mét là Đấng Tiên-tri của Thượng-đế, và vì vậy, họ thờ phượng Thượng-đế theo đường-lối mà người đó đã dạy-bảo họ. Họ có cuốn sách linh-thiên của họ, gọi là cuốn Co-răng. Ma-hô-mét viết cuốn sách này. Ông ta rất tôn-kính cuốn Kinh-Thánh, và ông đã viết trong cuốn Co-răng những câu chuyện mà ông tin là chuyện của Kinh-Thánh, nhưng những chuyện đó khác rất nhiều so với những chuyện chúng ta biết. Ông bảo các tín-đồ của ông phải tôn-kính các Thánh Thư Co-đốc-giáo, nhưng khi những người này thấy những chuyện trong Kinh-Thánh không hoàn-toàn giống những chuyện mà họ đọc thấy trong cuốn Co-răng, họ buộc tội những người Co-đốc-giáo là đã làm biến-đổi những câu chuyện đó. Nhưng thật ra, và lẽ tất-nhiên chính Ma-hô-mét đã biến-đổi những câu chuyện đó.



Hoặc có thể là ông chỉ chép lại những câu chuyện đó như ông đã nghe thấy và người ta đã kể cho ông nghe một cách sai lầm. Nhưng các tín-đồ Hồi-giáo không tin như vậy. Họ nói rằng những người Co-đốc-giáo đã làm sai lạc các Thánh Thư. Vì lý-do này, việc thuyết phục họ đọc Kinh-Thánh thường là một việc rất khó-khăn.

Nhưng giờ đây, một trong những người mà Hovhannes đưa sách Phúc-âm và mời mua lại là một Sayyid, nghĩa là một Thánh-nhân, một con cháu của Ma-hô-mét. Những người khác ngồi trong quán trà rất tức giận khi thấy Hovhannes đưa những cuốn Phúc-

âm cho vị Thánh-nhân. Họ chửi rửa anh bằng những tiếng xấu xa. Họ dùng những lời tục-tĩu để nói về cuốn Kinh-Thánh của những người Cơ-đốc-giáo. Họ la hét lớn và không cho Hovhannes có cơ-hội để nói. Một người nắm chặt lấy cổ áo anh để anh không thể chạy được. Họ dọa đánh anh. Anh thật sự gặp một cơn nguy khốn, vì những người này có thể giết anh, hoặc ít nhất cũng có thể gây thương-tích trầm-trọng cho anh.

Giữa lúc hỗn-độn cùng cực đó thì có một ông già đi vào quán trà. Ông ta có vẻ nghiêm-trang và đáng kính. Ông mặc một chiếc áo dài trắng lượt thướt, và đầu chích khăn. Một bộ râu dài, hoa râm, phát phơ trước ngực. Khi ông vào quán, mọi người đều im lặng. Họ đều biết ông. Ông cũng là một Thánh-nhân, và là người được kính-trọng nhiều hơn vì tuổi tác, cốt-cách và uy-tín của ông.

Ông hỏi : « Lộn-xộn gì đây ? »

Họ trả lời : « Đây là một người Cơ-đốc-giáo. »

« Hắn có nói gì chống lại

Thánh Luật của Hồi-giáo không? »

« Hắn là gì mà dám làm như vậy ? Nếu hắn mở miệng nói một tiếng chống lại tôn-giáo của chúng ta thì hắn bị chúng tôi đánh chết ngay rồi »

« Vậy thì tại sao các ông lại giữ anh ta và chửi rửa anh ta ? » ông già khẽ kính hỏi.

Người đã túm áo Hovhannes trả lời : « Chúng tôi không muốn có những Người Phân Phát Sách này quanh quần ở chỗ chúng tôi để phân phát những sách Cơ-đốc-giáo. »

Ông già Thánh-nhân nói « Hãy ráng tỏ ra công bằng. Không được thành kiến. »

Rồi ông lấy một cuốn Phúc-âm của Thánh Ma-thi-ơ nơi người phân phát sách. Mọi người nhìn xem ông sẽ làm gì với cuốn sách đó.

Ông nói : « Mọi người hãy ngồi xuống. Tôi sẽ đọc trong cuốn sách này cho các ông nghe. Các ông cứ nghe đi, và khi tôi đọc xong, nếu các ông không tán-thành những điều giảng-dạy đó thì tôi sẽ xé tất cả những sách

của người này trước mắt các ông. Ngược lại, nếu các ông thấy những điều sách này nói là hay thì mỗi người trong số các ông nên mua cho mình một cuốn. Các ông có đồng ý không ? »

« Có, có, có », họ reo lên.

Rồi họ ngồi im, đợi được trông thấy người phân-phát sách lát nữa sẽ bị nhục-nhã.

Ông già Thánh-nhân mở cuốn sách ra, vào chương thứ năm, và đọc những lời đẹp-đẽ, hấp-dẫn của Chúa chúng ta, đã được dịch sang tiếng Ba-Tư một cách rất hay.

«Phước cho những kẻ có lòng khó-khăn ; vì nước Thiên-dàng là của những kẻ đó ! Phước cho những kẻ than-khóc : vì sẽ được yên ủi.»

Ông đọc hết chương đó, rồi đến chương thứ sáu và chương thứ bảy — những lời nói kỳ-diệu mà tai con người đã được nghe.

Rồi ông khép cuốn sách lại và nhìn xung quanh ông. Mọi người im lặng một cách lạ-lùng. Những lời nói vĩ-đại đã đi vào lòng họ. Họ thường được nghe

đọc cuốn Co-răng, nhưng luôn luôn bằng tiếng Á-Rập, nên họ chỉ hiểu được rất ít.

Còn lần này, họ nghe đọc bằng cái thứ tiếng mà họ đã học khi còn nhỏ tuổi, từ nơi cửa miệng người mẹ. Mỗi tiếng nói người mẹ đều quen thuộc với họ. Chúa đã làm một việc mà con người chưa bao giờ làm, vì «Ngài đã nói với họ bằng cái thứ tiếng nói của chính họ.

Ông già Thánh-nhân hỏi : «Các ông có điều gì để nói chống lại những điều tôi đã đọc không ?»

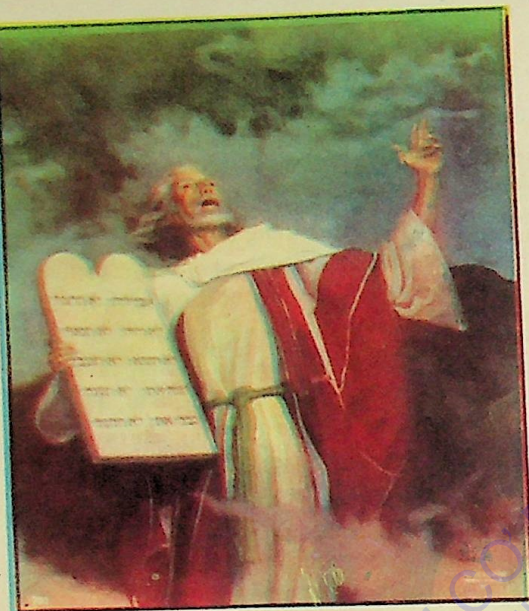
Không có ai trả lời.

Người phân-phát sách không nói một lời, lặng-lẽ lấy những cuốn sách Phúc-âm trong túi của anh ra và đưa cho họ. Mỗi người mua một cuốn.

Rồi họ nói : « Ông tin-dồ Co-đốc-giáo ơi, xin ông tha-thứ cho chúng tôi. Chúng tôi đã sỉ-nhục ông một cách vô lý.»

Có nhiều người Ba-tư là tin-dồ của Jê-sus trong bí-mật. Có lẽ ông già Thánh-nhân này là một trong số những người đó.

Tên ĐỨC CHÚA TRỜI



Cách đây xưa lắm... độ 3.400 năm, tôi và các em chưa ra đời. Nhưng đây là một câu chuyện có thật. Tại ngọn núi kia lên là Si-na-i. Núi này không cao, cũng không to, mà cũng không đẹp gì hết.

Một ngày kia, thỉnh - lnh, Ô kia ! các em thấy gì không ? Ở trên núi Si-na-i đấy : — Âm âm... sẹt sẹt... đó là những tiếng sấm và chớp nhoáng — Tò te, tò te... lại có kèn ở đâu thổi lên vang rền nữa. Chao ôi ! Mây kéo đến đen kịt, che kín núi. Chắc là mưa lớn. Không đâu,

✽ TRẦN-THÁI-SƠN
Thần-học Viện

các em đoán thử xem cái gì đã xảy ra trên núi ? Đó là Đức Chúa Trời hay Ông Trời đấy, Ngài đang hiện ra trên núi Si-na-i. Đức Chúa Trời xuống để làm gì ? Ngài tặng cho loài người chúng ta hai cái bảng bằng đá, mà chính tay Ngài đã viết ra 10 điều loài người phải làm và không được làm. Các em muốn biết 10 điều này không ? Các em có thể tìm thấy trong một quyển sách gọi là Kinh-thánh.

Đức Chúa Trời cũng phán với loài người : « Nếu loài người không làm theo 10 điều đó, thì bị kẻ là phạm tội với Ngài và tiền công trả cho tội-lỗi là sự chết. »

Từ đó ai cũng cố-gắng giữ 10 điều đó. Khó quá, thế mà không ai giữ được, vì cơ đó họ phạm tội và dĩ-nhiên phải bị Đức Chúa Trời phạt bỏ vào địa-ngục đời đời. Có lẽ các em muốn biết 10 điều gì khó giữ vậy ? Tôi đọc cho các em biết 1 trong 10 điều đó — người chớ lấy danh Đức Chúa Trời làm chơi.

Để quá phải không các em ? Các em sẽ nói rằng : Nếu vậy tôi đừng nói đến tên Ngài thì đâu phạm tội. Phải, các em có thể làm như vậy, nhưng các em biết bài :

Lạy trời, mưa xuống,

Lấy nước tôi uống,

Lấy ruộng tôi cày...

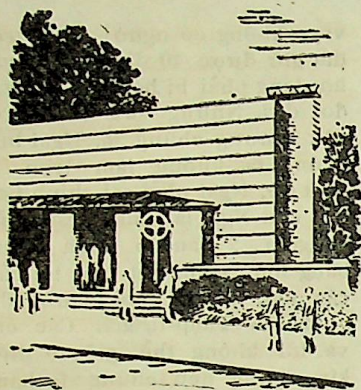
Nếu các em đọc bài đó mà các em không tin Ông Trời hay Đức Chúa Trời có thể cho các em mưa, thì các em đã lấy danh Đức Chúa Trời làm chơi rồi. Khi các em giựt mình hay bị đòn mà la : Trời ơi ! Thế là các em đã lấy danh Đức Chúa Trời làm chơi rồi. Có nhiều cách các em phạm tội đó, mà phạm tội thì bị bỏ vào địa-ngục đời đời. Đó mới là một điều thôi, còn 9 điều nữa làm sao tôi và các em có thể giữ được. Thật

vậy, không có người nào trên đất giữ được 10 điều đó, vì vậy họ đáng phải bị bỏ vào địa-ngục đời đời. Nhưng Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta, Ngài biết chúng ta không làm trọn 10 điều đó, Ngài phải sai chính Con một của Ngài là Chúa Jêsus đến thế-gian ; sau đó Chúa Jêsus bằng lòng gánh hết mọi tội của các em, tội và mọi người để chết trên Thập-tự giá. Các em và tôi không thể giữ 10 điều kia, nhưng nếu chúng ta bằng lòng TIN Chúa Jêsus thì chúng ta không bị bỏ vào địa-ngục, trái lại chúng ta được lên Thiên-đàng hưởng sự sống đời đời với Đức Chúa Trời. Nếu các em TIN Chúa Jêsus, thì Đức Chúa Trời không còn nhớ đến tội các em nữa ; nhưng Chúa kẻ các em là con của Ngài, chúng ta được làm con của Đức Chúa Trời.

Các em hãy đến với Chúa Jêsus để được tha tội, được ở trên Thiên-đàng. Nếu muốn tin-nhận Chúa, các em hãy nhắm mắt lại, cúi đầu xuống thưa với Đức Chúa Trời : « Lạy Chúa, con muốn được tha tội, con muốn tiếp-nhận Chúa Jêsus vào lòng con, con muốn làm con Đức Chúa Trời và muốn ở Thiên-đàng. Xin Chúa nhận lời con cầu-xin, A-MEN. »

TRẦN-THÁI-SƠN —

Thần-học Viện



KHO TÀNG TUYẾT

(Tiếp theo *Rạng-Đông* số 19) * Truyện Thụy-sĩ cho Thiếu-nhi *

CHƯƠNG XVI

NHỮNG tuần-lễ trôi qua dưới thung-lũng thế nào, thì trên núi cũng vậy, tuyết bắt đầu tan và các con suối đã chảy thành giòng nước lũ. Những đóa hoa đầu-tiên đã nở ra trên cánh đồng, dọc theo con sông. Những bầy bò, dê nhốt trong chuồng đã bắt đầu dậm chân bực-bội, đòi tự-do. Gió nam đã thổi lên thung-lũng, nhựa thông dâng lên thơm ngát trong rừng. Mùa xuân đương đến với núi-non.

Bà cụ bận-rộn lau-chùi nhà cửa để đón xuân, còn ông Ban thì bận-bịu với những con bò con

mới sinh. Điều đó hữu-ích, vì khi nào họ bận-rộn thì không còn nhớ mấy đứa trẻ cho lắm, dầu rằng mỗi chiếc mũi hồng của con bò con mới sinh đều nhắc ông Ban nhớ lại Danh. Bà nội quá già và mờ lòa không đủ sức làm công-việc dọn-dẹp đầu xuân, bà thường ngồi xuống thình-lình bên cạnh những đồ-đạc chùi dờ, mơ-màng nửa thức nửa ngủ, bà tưởng-tượng như mình đương nghe tiếng bước nhày của một chiếc giày cùn tiếng khua lạch-cạch của cây nạng đương bò lên thềm, và tiếng hát yêu đời của thằng bé reo vang. Bà tỉnh dậy giữa cái yên-lặng buồn-nản, và tự hỏi cả ngàn lần là không biết

bao giờ chúng mới về nhà.

Lữ cũng nhớ chúng nữa, nó ở trên núi xa hơn tất cả những đứa trẻ khác, mỗi lần về nhà một mình, nó ước-ao có Ngọc-Anh đi bên cạnh. Nhưng ở trường nó không còn cô-độc, khờ-sở nữa. Nó đã chứng-tỏ sự hối-hận của nó bằng cuộc hành-trình vượt núi gian-nguy cho nên chúng bạn đã kết thân với nó trở lại.

Lữ cũng đã đổi khác. Từ cái đêm nó cầu-xin Chúa ngự vào, nó biết rằng nó cần phải đổi khác. Tính nóng-giận, lười-biếng, cau-có xưa không còn ở lâu trong lòng nó, vì lòng nó đã mở ra để tiếp-nhận tình-yêu của Chúa Jêsus. Lần lần Lữ nhận biết rằng, hễ nó cứ ở gần Chúa nhờ sự cầu-nguyện và đọc Kinh-thánh hằng ngày, thì lòng yêu-thương mạnh hơn sự nóng-giận và lười-biếng, càng ngày nó càng biến đổi thành một đứa trẻ mới, có thể giữ được bình-tĩnh khi bị chọc tức, và không quản-ngại làm những việc mình không thích.

Thường thường khi tan học, nó đi qua nhà bà cụ để giúp việc dọn-đẹp nhà cửa. Hai người rất thân-thiết với nhau — thật ra nếu không có Lữ thì bà cụ sẽ không biết làm

thế nào. Nó chẻ củi cho bà, đi chợ và đem thơ dưới làng về cho bà — nó thích làm việc này hơn hết vì thường thường những thơ ấy là của Ngọc-Anh gửi về. Bà cụ thường bảo nó đọc lớn tiếng cho bà nghe. Thỉnh-thoảng lại có một tấm hình của Danh nữa. Bà cụ cất kỹ những ảnh ấy phía trước quyền Kinh-thánh của bà và thường đem trải ra trên bàn để ngắm. Đến cuối tháng hai, bà đã có một xấp ảnh nhan-đề «Con ở trên giường» — «Con không ở trên giường» — «Con đuổi dê» — «Con uống thuốc» — «Con và cô khán-hộ» — «Con và chị Ngọc-Anh» — «Con và con mèo Bạch-Tuyết.» Bà cụ nhận thấy mấy tấm hình ấy chứng-tỏ có triển-vọng tốt-đẹp, mặc dầu trong tấm cuối-cùng bà và Lữ khó phân biệt được ai là «con» và ai là «Bạch-Tuyết.»

Một việc buồn thứ hai xảy đến cho đời Lữ. Cụ già khắc gỗ, bạn của nó, sắp-sửa rời núi để đi xuống vùng hồ ở với con của cụ là Bác-sĩ Duy. Việc ấy đã được sắp-đặt khi cha con cụ nhận ra nhau lần đầu vào chiều hôm ấy.

Ông cụ sẽ ra đi vào đầu tháng

Ba. Trước ngày cụ đi, Lữ bằng qua rừng, leo lên núi để giúp cụ gói đồ. Cụ đã gửi nuôi con dê, con mèo và đàn gà, và bán gần hết hình khắc của cụ. Nhưng cụ không bán căn nhà, cụ chỉ đóng kín để đợi khi khác trở lại.

Cụ giải-thích : «Tôi sẽ thường trở lại, Lữ ạ. Tôi không thể nào lìa núi lâu được. Tôi sẽ xuống đó một thời-gian, nhưng rồi tôi sẽ lại nghe tiếng gọi của núi rừng, và sẽ trở lại nghĩ ít lâu.»

Cụ nhìn xuống thung-lũng đăm-chiêu, rồi đảo mắt quanh những kệ trống của căn nhà.

Cụ nói: «Tôi lấy ít hình khắc để cho mấy đứa cháu, chắc chúng thích, và giữ lại một cái cho Lữ.»

Ăn-năn

Lạy Chúa, con là kẻ ác-gian
Lòng con mờ mịt cảnh thiên-đàng
Con nguyện thương Chúa, dâng
Thiên-phụ

Thân-thờ con làm của lễ dâng
Chúa nờ nụ cười, Chúa tiếp con
Thánh-Linh cảm xúc tận trong lòng
Từ nay, con bỏ đường tội-lỗi
Ăn ở cho tròn một đứa con.

Võ liêu Nhự

Long An

Đêm trước tôi đã để nó ra khi tôi soát qua các hình khắc. Tôi nghĩ rằng tôi không thể nào dự phần với ý-nghĩa của hình khắc ấy, nhưng tôi muốn Lữ lấy hình ấy nếu Lữ để ý chăm-sóc nó.»

Lữ nhìn lên mong-mỏi. Nó đáp:

«Cháu muốn có một hình cụ ạ, hình ấy sẽ nhắc cháu nhớ đến cụ, ngoài ra, cháu có thể phỏng theo hình đó để tạc.»

Cụ già tiến lại tú lấy món quà đã để dành cho Lữ. Cụ đặt hình ấy trong tay cậu bé và nhìn nó chăm-chấp.

Bức chạm ấy thoát trông thì khá đơn-giản. Đó là một cây thập-tự bằng gỗ, làm bằng hai mảnh gỗ xù-xì, nhưng thanh ngang của cây thập-tự cột vào cây trụ bằng những đường dây chạm trở khéo-léo treo nhau thành gút — một công-trình tỉ-mỉ bằng gỗ tốt. Mấy ngón tay của Lữ kinh-cần mân-mê tác-phẩm tuyệt-hảo ấy, nó ngược mắt sáng rỡ nhìn ông thầy già-nua của mình.

Nó kêu lên: «Đẹp quá. Cháu không hiểu tại sao cụ có thể chạm được những đường dây này bằng gỗ mà không làm bẽ gỗ.» rồi nó ngập-ngừng nói tiếp: «Nó giống

như cây thập-tự Chúa Jê-sus bị đóng đinh, phải không cụ ?»

Cụ già đáp ngay : «Phải, tôi đã tạc nó trong đêm chủ tôi và là bạn tôi qua đời — cái đêm mà ông ấy nói với tôi về tình yêu và sự thương-xót của Đức Chúa Trời — và là đêm mà tôi tin là tôi có thể được tha-thứ. Có lần tôi nói chuyện với Lữ về sự yêu-thương. Thập-tự là nơi ta thấy tình-yêu được thể-hiện trọn- vẹn.»

Lữ ngược nhanh nhìn lên.

Lữ nhắc lại : «Tình-yêu trọn- vẹn, cháu nghe về điều này luôn, đó là điều nói trong câu Kinh-thánh của bà cụ, và ý-nghĩa là điều Ngọc-Anh và cháu nói chuyện trong đêm trước khi Ngọc-Anh ra đi.»

Cụ già đồng ý : «Đúng thế, cháu sẽ nghe về điều đó luôn ! Tình-yêu trọn- vẹn có nghĩa là tình-yêu cứ tiếp-tục hành-động cho đến khi không còn gì để làm nữa, và cứ tiếp-tục chịu khổ cho đến khi không còn gì để chịu nữa. Chính vì có đó mà khi Chúa Jê-sus bị treo trên Thập-tự giá, Ngài nói rằng : «Xong rồi.» Không còn một tội-lỗi nào không thể tha-thứ được, không còn một tội-nhân nào không thể

được cứu, vì Ngài đã chết. Ngài đã yêu-thương trọn- vẹn.»

Cụ già dường như đã quên Lữ và nói chuyện một mình. Lữ cũng nghe mê-mán như vậy. Nó từ-giã cụ già và hứa sáng sớm hôm sau sẽ trở lại mang giùm hành lý của cụ đến ga trong lúc đi học. Rồi nó chạy về nhà trong ánh hoàng-hôn của mùa xuân có tiếng tuyết rời cành cây lúc làn gió ấm khua động. Nó rất vội-vã vì nó muốn viết cho Ngọc-Anh một bức thư gửi cho cụ già sáng mai đem đi. Nhưng việc phải làm trước tiên là treo cây thập-tự cẩn-thận trong phòng nó — rồi nó chạy ra nhà bếp để tìm cây viết và tờ giấy.

Nhà bếp thật là hỗn-độn — mẹ nó đã đi theo bầy bò không kịp rửa chảo hay thùng sữa. Lữ thường giúp bà làm việc đó nhưng đêm nay nó có việc gấp. Nếu nó chui vào buồng ngủ thì nó có thể viết bình-an, rồi bà sẽ rửa soong chảo, không biết rằng nó đã về.

Nó tức-tốc chạy đi và cuộn mình trên nền nhà bên cạnh giường của nó. Nó mới vừa bắt đầu viết thì chợt nó nhìn lên và trông thấy cây thập-tự.

Nó chăm-chú nhìn một lúc, suy-nghĩ rất nhiều — cụ già đã nói gì? — «Tinh-yêu trọn- vẹn» — nó lại nghe chữ đó nữa, thật là lạ — «Tinh-yêu trọn- vẹn cứ tiếp-tục làm việc cho đến khi không còn gì để làm nữa.»

Nó muốn được giống như Cứu-Chúa một phần nào trong sự yêu-thương trọn- vẹn, thế mà có bao nhiêu soong chảo dơ-bẩn đương cần rửa-ráy.

Mặt nó ửng đỏ và nó từ từ đứng dậy. Nửa giờ sau mẹ nó trở về thì thấy nhà bếp sạch sẽ và Lữ đương ngồi viết ở bàn với tấm lòng sung-sướng.

Sáng sớm hôm sau nó lên nhà cụ già lúc khu rừng vẫn còn tối, rồi cả hai cùng đi xuống, để căn lều trống đợi ông trở lại. Lúc họ đến rừng cây thì sương trong trũng đã tan, gà gáy, và mặt trời đã đến đỉnh núi cao.

Cụ già đi trên chuyến tàu đã chở Ngọc-Anh và Danh, mắt cụ nhìn chăm các dãy núi luyến-tiết.

Lúc tàu chuyễn bánh, cụ nhắc Lữ : «Khi nào hoa bắt đầu nở, tôi sẽ trở lại. Lữ hãy viết thư báo

cho tôi biết lúc hoa nở trong trũng, như vậy tôi sẽ có đủ thì-giờ để trở lại kịp lúc hoa nở trên núi. Đừng quên Lữ nhé.»

Tiếng đáp của Lữ bị nhận chìm trong tiếng lách-cách của các thùng sửa lúc chiếc tàu lao tới và mất hút nơi khúc queo của ngọn đồi.

Một lúc sau, Lữ đến nhà bưu-điện lấy được một bức thư gửi cho bà cụ, nó vội-vàng chạy lên đồi về đưa cho bà, vì nó biết đó là thư của Ngọc-Anh. Nó vừa chạy thỉnh-thịch lên các bậc hiên vừa la lớn báo tin mừng, bà cụ bước ra hối-hả.

Bà ngồi dưới ánh nắng bảo Lữ: «Đọc cho bà nghe đi Lữ.» Bà gập tay và nhắm mắt lại để nghe kỹ-càng hơn.

«Ba và bà nội yêu-dấu, ngày mốt Danh và con sẽ về nhà. Danh đã khỏe-mạnh hẳn. Chúng con mong mau gặp lại ba và bà nội, Danh bảo rằng làm ơn đem con Cơ-lốt tới nhà ga giùm. Con yêu-dấu, Ngọc-Anh.»

Có một mảnh giấy của bà Duy cho biết thì-giờ chúng về tới nơi, với một tác-phẩm của Danh, nhan-đề «Con về nhà bằng xe lửa.»

Bà cụ bật lên khóc mấy phút — tiếng khóc run rẩy nghẹn-ngào của một bà cụ già — nhưng rồi bà lau ngay nước mắt, cố làm ra vẻ mạnh mẽ cứng-cáp vì còn có nhiều việc phải làm.

Bà nói bằng giọng quả-quyết: «Bước lại chuồng bò đưa bức thơ ấy cho ông Ban đi Lữ, rồi trở lại đây giúp bà ngay. Có rất nhiều việc phải làm : dọn giường, làm bánh, chùi bàn ghế. Chúng ta phải dọn-dẹp tất cả cho đẹp-đẽ để đón mấy đứa trẻ.»

Ông Ban nhận được tin ấy thì gãi đầu kêu lên : « Ủy ! » Rồi lần đầu-tiên trong đời, ông úp thừng hứng sữa xuống, trong phút chốc, ông biến vào rừng một lúc lâu mới trở lại.

Ngày hôm sau trời rạng-đông trong đẹp; nhà trường nghỉ dạy. Lữ dậy từ lúc hừng sáng đi hái hoa. Nó sắp hoa trong một cái bát trên bàn trước hiên, rồi đi ra ga. Nó đi chậm-rãi vì còn nhiều thì-giờ và nhiều điều để suy-nghĩ. Bà cụ, ông Ban và Cơ-lốt đã đi bằng xe lửa.

Dám chắc chưa hề có một sáng mùa xuân nào đẹp đẽ như thế. Cánh đồng cỏ úa vàng tàn-tạ đã xanh và điểm lác-đác những bông hoa.

Không-trung vang lên tiếng lục-lạc của bầy bò mới vừa được thả ra khỏi khảm tù mùa đông, và đương say-sưa với mùa xuân và tự-do. Những con dê nhảy tung-tăng trong đồng cỏ và họa-mi ca vang trong vườn hoa-quả. Rừng-rú đượm nồng mùi nhựa, những đỉnh núi trắng xóa chọc thủng bầu trời xanh, xanh đến nỗi nhìn phải lóa mắt.

Ngày nay chẳng giống chút nào với cái ngày Danh bị té cách đây vừa một năm, một đám hoa huệ đã nhắc Lữ suy-nghĩ đến điều đó. Ngày hôm ấy thật là một ngày đen tối, chỉ nhớ đến cũng làm cho những ý nghĩ yêu đời của nó bị che mờ. Chính vì lỗi của nó mà Ngọc-Anh và Danh phải xa như vậy, hơn nữa có lẽ chúng chẳng vui-thích gì bao nhiêu khi được gặp nó. Ngọc-Anh bảo rằng Danh đã khỏe-mạnh, nhưng Lữ khó tin nổi.

Lữ đến nhà ga, hơi bồn-chồn, nó đứng riêng ra, hai tay bỏ vào túi, vì thành-linh nó cảm thấy ngại gặp chúng, nó ước nó không đến đó. Có nhiều người ở đây nên chiếc sân ga nhỏ-hẹp bị chật-ních. Ông Ban chú mắt vào một diềm xa dưới thung-

lũng nơi chiếc tàu sẽ hiện ra giữa các dãy núi, còn bà cụ thì vật lộn với con Cò-lốt, lúc ấy nó mang một chiếc nơ hồng mới, dường như muốn chạy phăng xuống đường để đón chiếc tàu.

«Nó đến kia!» ông Ban nói, trong lúc mọi người chen nhau tới, chỉ trừ Lữ, khi ấy nó cảm thấy rụt-rè hơn bao giờ cả.

Bây giờ tàu đã đến, Ngọc-Anh và Danh đứng nơi cửa sỏ, mặt hồng lên vì xúc-động, chúng kêu réo lên để người ta đem chúng ra.

Danh nhìn qua những khuôn mặt thân-yêu, tất cả đều chen sát lại để đón nó, trong khi nhìn, nó để ý thấy Lữ đứng riêng ra, nó ngạc-nhiên một lúc tự hỏi tại sao. Trái tim yêu-thương sung-sướng nhỏ bé của nó muốn hội-họp mọi người lại quanh nó, nó bèn ra khỏi tàu, vượt qua khỏi đám đông và chạy đến với Lữ.

Nó la lên: «Coi đây, anh Lữ, tôi bước đi được rồi! Ông Bác-sĩ anh tìm đã chữa lành cho tôi, và tôi có thể chạy y như là tôi chưa hề ngã xuống suốt bao giờ. Coi đây, bà nội! coi đây, ba! Con chạy không cần nạng! và Cò-lốt, đây mèo con của mày. Nó lớn phải không bà nội! lớn gần bằng

con Cò-lốt rồi đấy!»

Cò-lốt và con mèo con lại ghét nhau, găm-gù với nhau và cào nhau dữ-dội. Danh và bà nội cố lôi chúng ra, đám đông cười rộ, đoàn tàu xinh-xịch đi, Ngọc-Anh bám theo cha nó như là nó sẽ không bao giờ xa rời ông nữa.

Lữ quay đi, vì mắt nó đẫm-lệ. Nó được vinh-dự hơn cả mọi người — tội nó được tha-thứ và quên bỏ mãi mãi — Danh đã đi được như là chưa hề bị té.

Trong lúc Lữ quay đi, nó nhận thấy cây hạnh-nhân trên sân ga nở đầy hoa trên ngọn. Mới hôm qua chưa có gì ngoài những cành trơ-trụi; nhưng mùa xuân đã tỏ ra quá dũng-mãnh, và ngay từ trong thân gỗ trơ-trụi đã nở ra những cánh hoa màu hồng lấp-lánh.

Mùa đông đã hết, đã qua đi, hoa đã nở ra trên đất và chim-chóc đã bắt đầu ca hát.

LỜI CẦU-NGUYỆN CỦA MOODY CHO TRƯỜNG CỦA ÔNG

Khi dâng hiến ngôi nhà về sau là viện Thánh-Kinh Moody, ông Dwight L. MOODY đã đặt cái bay lên tầng đá góc nhà và dâng lời cầu-nguyện: «Lạy Chúa, Chúa biết thế-giới cũ-kỹ này không cần gì bằng căn lời của Ngài. Chúng con cầu xin rằng nếu đến một ngày kia có điều gì trái nghịch với Kinh-thánh được đem ra dạy ở đây, thì xin Ngài xóa ngôi trường này khỏi mặt đất.»



THA KẸ GIẾT CON MÌNH

(Tiếp theo RẠNG-ĐÔNG số 20)

Tôi rất tiếc vì làm gián-đoạn cuộc thăm-vấn của các bạn, song tôi có một điều muốn nói.

Một học-sinh hỏi :

— Ông là ai ?

Mục-sư Lã gần đáp lại, thì một học-sinh khác kêu lên :

— Thưa ông có phải là thân-phụ của Chẽ-minh không ?

Bấy giờ anh học-sinh thứ nhứt xin Mục-sư Lã nói thêm, bởi sự khéo-léo và từ-ái, ông bèn cho họ biết lời thỉnh-cầu của Mục-sư Sơn, tức là nếu tìm thấy những kẻ giết hại con trai mình, thì đừng đánh-đập hoặc giết đi, vì chính ông muốn nuôi chúng

làm con và dẫn chúng về với Đấng Christ.

Một vài học-sinh lập-tức phản-đối. Họ nói bây giờ chẳng phải lúc nói chuyện tha-thứ vì ông sẽ bị hiểu lầm. Dầu sao, họ đã nhận được huấn-lệnh minh-bạch nên không thể có hành-động gì đối với một lời thỉnh-cầu như vậy. Người lính đã lặng-lẽ ngồi nghe bèn đứng dậy ra đi. Mục-sư Lã vội chạy theo kịp anh ta và lặp lại lời thỉnh-cầu. Người lính nhìn trừng-trừng vào mặt ông, bác-bỏ lời ông, cho là đại-dột, rồi cứ đi. Mục-sư Lã cứ theo anh ta, đề mặc Trại-sơn và mẹ hắn yên-lặng và

kinh-ngạc.

Đoạn, Mục-sư Lã thử nài-xin cảnh-binh, song họ cũng không chịu gánh trách-nhiệm hành-động theo lời thỉnh-cầu của Mục-sư Sơn. Họ nói với ông rằng nước nhà đang ở dưới quân-luật, nên ông phải đến trình các si-quan của quân-đội quốc-gia. Bấy giờ Mục-sư Lã kêu với một nghị-sĩ Quốc-hội, người có thể - lực ; nhưng khi nghe ông nói, thì nghị-sĩ này khuyên nên bỏ rơi việc ấy, vì nó có thể gây cho ông bị nhà cầm quyền nghi-ky.

Hoàn-toàn ngã lòng, Mục-sư Lã đang đi qua các đường-phố mà về nhà, thì một cụ già nắm ông lại. Sau khi biết chắc là Mục-sư Lã, cụ bèn tự giới-thiệu là cha của Trại-sơn, ông bèn từ-ái hỏi :

— Tôi có thể làm chi giúp cụ ?

Cụ trả lời rằng đã nghe vợ nói Mục-sư Lã can-thiệp giúp cho con trai họ. Cụ rất cảm-kích vì ông chịu làm phần việc của họ, mặc dầu có thể bị nguy-hiêm, và nài-xin ông cứu nó vì nó vô tội.

Mục-sư Lã thỉnh-linh cảm thấy chán-nản ; nếu Trại-sơn không có

tội thì lời thỉnh-cầu của Mục-sư Sơn chẳng áp-dụng cho hắn, và ông không có bồn-phân cứu hắn. Người cha chẳng biết điềm ấy ; nếu ông cứu hắn, há không phải nhìn nhận con trai cụ có tội sao ? Nhưng Mục-sư Lã làm thế nào biết rằng thật như vậy ? Ông bối-rối, và trong lòng mong-trước được Đức Chúa Trời dẫn-dắt rõ-ràng ; vậy, ông đưa cụ về nhà thờ để cầu-nguyện. Đọc đường, ông nói cho cụ biết Mục-sư Sơn ; lúc ấy mới rõ rằng cụ đã bị cầm tù tại Quảng-Dư và ở đó nghe nói trong khám có một Mục-sư kỳ-diệu, không còn nghi-ngờ chi nữa, chính là Mục-sư Sơn. Bấy giờ cụ già nôn-nả muốn gặp ông, và lấy làm lạ trước sự ngẫu-hợp do đó bây giờ con đường của họ sắp gặp nhau.

Trong nhà thờ, Mục-sư Lã qui gối cầu-nguyện. Cụ già chưa bao giờ bước vào nhà thờ, nên giả-định rằng những câu Kinh-Thánh kể ở hai bên tòa giảng cốt để đuổi qui, cũng như mấy câu cụ và xóm-giềng kể trong nhà. Cụ qui xuống y như đã thấy Mục-sư Lã qui xuống, song đối với cụ, lời cầu-nguyện của ông giống như

phù-phép trước khi làm bùa-chú.
Chính cụ cứ lập lại :

— Chỉ xin Ngài cứu con tôi !

Được bờ sức mạnh sau khi cầu-nguyện, Mục-sư Lã đứng dậy, đi khỏi nhà thờ. Thịnh-linh con trai ông, là Chẽ-Minh bước vào, thờ hồn-hèn, và báo tin :

— Hắn đã bị giải đến quán cà-phê Bành-hoàng.

— Đến quán cà-phê sao ?

— Dạ, quán cà-phê Bành-hoàng nơi quân-đội quốc-gia đã chiếm-đóng.

Người cha tưởng con trai mình đã bị giải đến quán cà-phê để bị xử-tử, bèn vừa khóc nước-nở, vừa kêu lên :

— Ôi ! Tôi sẽ làm chi !

Mục-sư Lã cũng sợ một tình-trạng hết sức tai-hại, nên tìm cách yên-ủi cụ già, rồi cả ba cùng vội-vã chạy đi.

oOo

Khi Mục-sư Lã bước vào quán cà-phê, thì một người lính gác kêu lên :

— Ai đó ? Ông đến đây làm chi ?

Mục-sư Lã kinh-ngạc một lúc

nhưng trấn-tĩnh mau-lẹ :

— Tôi là Đức-hoàn-Lã, Mục-sư nhà thờ Strong-Chân.

— Mục-sư à ? Ông muốn gì ?

Mục-sư Lã trình thẻ căn-cước, rồi đáp :

— Tôi có một việc muốn trình.

— Việc chi đó ?

Giọng người lính gác bớt phần gay-gắt.

— Đó là một việc tôi cần trình với những vị phụ-trách ở đây.

Nhìn vào phía trong, Mục-sư Lã thấy người lính mình đã gặp tại Hội-đồng Học-sinh trước đó, bèn nói lớn :

— Kia kia, người tôi muốn gặp.

Ông vào trong nhà, không chờ người lính trả lời. Bị bất-ngờ, hấn toan đi theo ông, nhưng lại thấy cha của Trại-sơn trước cửa, bèn kêu lên :

Ông kêu lên :

— Ông là ai ?

Cụ đáp :

— Tôi là cha của thanh-niên-kia.

Mục-sư Lã nghe lời ấy, song biết mình không thể làm gì để

thuyết-phục lính gác cho người cha vào ; vậy ông vào một mình.

Bên trong, ông thấy người lính và, cũng như trước, Trại-Sơn nằm trên sàn nhà, còn mẹ ở bên cạnh, vừa khóc-lóc, vừa xin tha mạng cho hắn. Hắn còn chối rằng mình chẳng dự phần bắn Ma-thi-ơ, Giảng, và như vậy, không thể nào buộc tội hắn. Sự tri-hoàn làm cho ban thẩm - vấn tức-bực.

Mục-sư Lã xin phép nói chuyện với Trại-sơn. Người lính tức-giận nhìn ông, nhưng cho phép, và ông bắt đầu :

— Tôi là Lã, Mục-sư nhà thờ Sương-Chân. Cậu phải nói thật mọi điều với tôi. Tôi đến đây theo lời thỉnh-cầu của Mục-sư Sơn, cha của hai thanh-niên mà cậu bị cáo là đã giết chết. Cậu có dự phần cuộc nổi-loạn với các học-sinh đã giết chết hai con trai của Mục-sư Sơn chẳng ?

Trại-sơn ngạc-nhiên nhìn lên, thái-độ Mục-sư Lã khác hẳn thái-độ của các học-sinh và binh-sĩ, là những người có vẻ quyết-định buộc tội hắn. Hắn đáp :

— Tôi không giết hai anh ấy.

— Thật chẳng ?

— Thật.

— Vậy, tôi không thể làm gì giúp cậu.

Mọi người trong phòng ngạc-nhiên vì lời nghe ấy, nào Trại-sơn, nào mẹ hắn, nào toán lính, và ngay cả Chử-Minh đã lên vào, không ai nhận thấy. Dầu yên-lặng, nhưng họ dường như đòi-hỏi một lời giải-thích, Mục-sư Lã nói :

— Tôi đến đây, không những để nói lại thông-diệp của Mục-sư Sơn, song cũng để lo cho nó được thi-hành. Ông thỉnh-cầu tha-thứ cho những kẻ đã giết hai con trai mình, bất-cứ họ là ai, chớ đừng hình-phạt. Tôi có bổng-phận đối với kẻ có tội ; còn đối với kẻ vô-tội, thì tôi không thể làm chi hết.

Mục-sư Lã thấy việc mình phải làm đó là cấp-bách, nhưng việc lại hồng, và bây giờ ông buồn-rầu vì phải gạt bỏ thanh-niên khốn-nạn, cùng-khờ này. Vậy nên ông vừa nói vừa thiếu điều khóc, và mỗi xúc-động của ông làm cho kẻ nghe phải thương-cảm. Bấy giờ, dường như bị tra-khảo mà nói ra Trại-sơn nắm lấy Mục-sư Lã và nài-nỉ :

— Xin cứu tôi ; tôi thật đã dự vào cuộc phiến-loạn và thật đã

giết hai anh ấy. Xin cứu tôi; chỉ xin ông hãy cứu tôi!

Lời thú-nhận ấy có thật không? Nếu không thật tại sao hần tuyệt-vọng đến nỗi dám liều cho bị buộc tội và gia-hình lập-tức, để hi-vọng Mục-sư Lã có thể cứu mình? Truyện hần kể có vẻ đúng thật. Hần nói rằng khi bọn phiến-loạn kéo vào Xuân-chân, thì dám học-sinh kéo đến nhà hần, bắt phải dự phần. Hần đã cùng chúng kéo đến nhà Ma-thi-ơ và Giảng, rồi cùng chúng đánh đập hai cậu, vì không thể làm chi khác. Đoạn, khi hai cậu bị dẫn đến bãi hành-quyết, thì hần và bốn tên khác được chọn để bắn họ; hần đã bắn, mặc dầu chẳng muốn.

— Chúng bay giết hai cậu ấy thế nào?

— Cả năm người chúng tôi bắn hai cậu. Tôi chẳng biết viên đạn của mình có trúng họ hay không; song sau khi Ma-thi-ơ ngã gục, tôi còn bắn anh ấy hai phát nữa.

Trong thời-gian ngắn-ngủi, lặng lẽ theo sau lời thú tội của Trại-sơn, có nhiều tư-tưởng đôn-dập trong tâm-trí Mục-sư Lã. Ông không thể chắc rằng Trại-Sơn đã

nói thật, song ông biết rằng mình phải hành-động dường như hần đã nói thật. Thanh-niên này tự định tội cho mình vì có ông, là Mục-sư Lã đã can-thiệp. Nếu ông không thể khiến họ tha cho hần thì chẳng bao lâu, hần sẽ bị xử-tử. Phận-sự hết sức thúc-bách ông.

— Nếu thật là như vậy, tôi sẽ tận-tâm cố-gắng cứu cậu.

Ở nơi nào đó, còn bốn người nữa mong được Mục-sư Sơn tha-thứ. Binh-lính có thể đi tìm-kiếm bây giờ, và ông cũng sẽ thi-hành phận-sự với chúng nữa... Những tư-tưởng này vụt qua tâm-trí sáng-suốt của ông, song nó tan đi vì con đường hành-động, tức-khắc đã mở rộng trước mặt ông.

Một lần nữa, ông đến gần người lính phụ-trách, và lập lại lời xin tha thứ. Anh ta xác-nhận mình sẽ một cách nặng-nề và cấp-bách rằng vụ án bây giờ đã kết-liều và chắc-chắn Trại-Sơn bị gia-hình. Mục-sư Lã nài-nỉ và lý-luận rằng sự tha-thứ theo tinh-thần Cơ-đốc-giáo có thể thay-đổi cuộc đời kẻ mắc tội, và cũng có hậu-quả lớn-lao cho người khác

(còn tiếp)

(tiếp theo trang 20)

sợ-hãi của họ lại nguôi-ngoại, họ vẫn tiếp-tục sống trong tội-ác, mỗi lúc một tệ-hại hơn. Nhưng đức-tin của Nô-ê không hề nao-núng. Thế rồi một hôm, khi chiếc tàu đã đóng xong, Đức Chúa Trời bảo Nô-ê đem gia-đình ông (cùng với những loài thú-vật được lựa-chọn để giữ giống) vào tàu. Rồi Chúa đóng họ lại bên trong tàu, còn những người kia thì ở ngoài tàu.

Không có lời nào mô-tả cho xiết cái quang-cảnh khi mưa bắt đầu trút xuống như thác. Hẳn là người ta từ bốn phía đổ xô chạy đến chiếc tàu, kêu xin Nô-ê mở cửa tàu cho họ, nhưng chậm quá rồi! Đức Chúa Trời đã đóng cửa tàu, và dầu cho Nô-ê cũng không sao mở được. Ngọn nước cứ từ từ dâng lên, chậm-rãi nhưng chắc-chắn, mỗi lúc một cao hơn, mãi cho đến khi những ngọn núi cao đều bị phủ mặt, và mọi sinh-vật trên đất đều chết trừ ra những người và vật trong tàu.

Từ câu truyện về cơn Đại Hồng thủy này loài người đáng phải rút ra một bài học quan-trọng là đường nào. Trong thời-đại của chúng ta tình-trạng cũng giống hệt như trước ngày nước lụt. Những sứ-giả của Đức Chúa Trời — cũng như Nô-ê đã làm ngày xưa — đang tiên-đoán về một cuộc phán-xét kinh-khiếp sẽ xảy đến,

(continued from page 20)

were lulled to sleep, and they went on in their wickedness, growing worse and worse. But Noah's faith never wavered. Then one day after the ark was completed, God told him to take his family (and the animals selected for keeping) and to enter the ark. God then shut them *in* and the rest *out*. Words are inadequate to describe the scene as the rain began pouring down in torrents. People must have started running towards the ark from every direction, calling to Noah to open the door, but it was too late! God had shut the door and even Noah couldn't open it. Slowly and surely, higher and higher arose the awful flood, until all the high hills were covered and every living thing on the earth died except those in the ark.

What a solemn lesson the world should learn from the Story of the deluge. In our day conditions are much the same as before the flood. God's messengers are predicting, as did Noah, a fearful judgment which is coming — a certain and eternal death to all those

một sự chết đời đời và không sao tránh được cho tất cả những người ở bên ngoài Chiếc Tàu an-toàn ; đó là chính Đức Chúa Jê-sus-Christ. Trong Ma-thi-ơ 24 : 37-39 chính Đấng Christ đã phán rằng khi Ngài tái-lâm trên đất này lần thứ hai, loài người cũng sẽ giống hết như tổ-phụ của họ trong thời Nô-ê. Họ sẽ bác-bỏ những lời khuyến-cáo khẩn-cấp do Lời của Đức Chúa Trời (tức là Kinh-thánh) và các sứ-giả của Ngài, không sẵn-sàng tìm-kiếm Ngài khi Ngài ngự đến. Lần thứ nhất Đấng Christ đã đến như một Con Chiên Con để chịu chết. Nhưng lần thứ hai Ngài tái-lâm sẽ như một Vị Vua và Quan Tòa. Lần thứ nhất Ngài thay chúng ta gánh chịu mọi sự thâm-phản công-nghĩa và sự thanh-nộ của Đức Chúa Trời nghịch cùng tội-lỗi. Tất cả những ai thành-thật ăn-năn tội và lấy đức-tin tiếp-nhận Jê-sus-Christ vào lòng mình ngay hôm nay, trước ngày Ngài tái-lâm, sẽ không bao giờ chịu đoán-phạt vì tội-lỗi của họ. Họ đã vượt khỏi sự chết mà qua sự sống rồi (Giăng 5 : 24).

(còn tiếp)

outside the Ark of Safety — the Lord Jesus Christ. In Matthew 24 : 37-39 Christ Himself said that when He returns to this earth the second time, people will be the same as they were in Noah's day. They will reject the many urgent warnings from God's Word (the Bible) and from His messengers, and will not be ready and looking for Him when He comes. Jesus Christ came as a Lamb to die the first time. He is coming as King and Judge the second time. He bore the Righteous Judgment and wrath of God against sin, in our stead, the first time. All who have truly repented of their sins and received Jesus Christ into their hearts by faith now, before He returns, will never suffer for their sins. They have already passed from death to life (John 5 : 24).

(to be continued)

THEO DÕI SỰ CHẾT

(tiếp theo trang 13)

Tuy nhiên, con người là những kẻ biết nghĩ xa. Mỗi người đều có lý-luận riêng của mình. Nhưng sự chết với những gì xảy ra sau khi chết, vẫn còn là một dấu hỏi trong lòng của đại đa số người.

Trong lòng họ cứ mãi suy-nghĩ và thắc-mắc : "Nếu quả thật có một Đức Chúa Trời, tại sao Ngài không đem những điều liên-quan đến sự chết mà mách-bào cho chúng ta, và dạy chúng ta biết

chuẩn-bị phương-pháp để đối-phó với tử-thần ?

Thật ra, về lời giải-đáp, Đức Chúa Trời đã mách qua cho chúng ta rồi, mà còn giải-đáp khá tường-tận là khác nữa. Trong Kinh-thánh Đức Chúa Trời đã nói lên cách rất rõ-ràng về những gì liên-quan đến sự sống và sự chết — Ngài còn nói rõ về tình-hình sự sống sau sự chết nữa kia. Kinh-thánh không phải là một sách chuyên dùng cho tôn-giáo. Kinh-thánh còn truyền-đạt tin-tức tốt-lành cho mỗi người, ngay cả đến

sự chết cũng có nói đến.

Kinh-thánh không giấu-giếm sự thật — mà lẽ-thật của các sự-vật nằm trong các sự thật.

Sự thật thứ nhứt — sự chết là phán-quyết của Đức Chúa Trời về sự phạm tội. Sự chết hình như là điều rất tự-nhiên. Kinh-thánh dạy rằng sự chết cũng là một thứ hình-phạt.

Đó là sự hình-phạt do thủy-tồ thứ nhứt của loài người gây ra. Người đã bội-ngịch Đức Chúa Trời, khiến toàn-thê nhân-loại đều chịu họa lây. Kinh-thánh nói tóm-tắt rằng : "Bởi một người mà tội-lỗi đã vào thế-gian, lại bởi tội-lỗi mà có sự chết" (La-mã 5 : 12). Từ A-đam cho đến nay có rất nhiều bằng-cớ chứng-minh sự chết là kết-quả của sự phạm tội. (Nếu câu truyện này chỉ kết-thúc nơi đây, thì thật là một câu truyện vô cùng bi-đát).

Sự thật thứ nhì — sự chết chẳng những có liên-quan đến thân-thể mà cũng liên-quan cả đến linh-hồn của con người nữa. Một việc rất dễ chứng-minh cho lẽ này, đó là sự thí-nghiệm về "vật-chất bất-diệt" trong phòng thí-nghiệm.

Một cây đèn sáp đang cháy, nó cứ lần lần mất trọng-lượng của bản thân nó. Song nếu ta đem những phó sản-phẩm đã đốt đi đó mà cân, thì tổng trọng-lượng của nó không tồn-thất — chỉ hình-thể của vật-chất cây sáp ấy có biến-đổi đó thôi.

Sau khi con người chết rồi, các nguyên-tố của thân-thể họ đều tan-rã mục-nát nên đã biến-cải cả một hình-thể; nhưng đó không phải là hoàn-toàn tiêu-diệt không còn gì nữa đâu. Linh-hồn con người cũng thế. Kinh-thánh cho biết linh-hồn cứ còn mãi, không bị gò-bó hạn-chế trong mồ-mả, và trong linh-hồn vẫn còn có tánh của con người.

Về tình-trạng của sự sống sau khi chết thì từ lâu Con của Đức Chúa Trời là Jê-sus-Christ đã dạy rõ cho chúng ta rồi. Ngài từng phán dạy về thiên-đàng và địa-ngục. Ngài từng phán rằng năng-lực của Đức Chúa Trời đủ để hủy-diệt cả linh-hồn lẫn xác-thịt trong địa-ngục. Một cảnh-cáo rất đơn-sơ và rõ-ràng chính là sự hình-phạt của tội-lỗi kết-quả đang gò-bó hạn-chế con người.

Nhưng tội-lỗi là gì ? Kinh-thánh nói rằng đó là người ta tự chọn làm theo ý riêng của mình, trái-ngịch với Đức Chúa Trời công-nghĩa và thánh-khiết.

Sự thật thứ nhứt và sự thật thứ nhì trình-bày ra một bức tranh khủng - khiếp, đang phán-quyết thế-giới phải trải qua sự chết-chóc.

May thay còn có sự thật thứ ba là điều khả-dĩ tạo nên cái thế quân-bình : đó là Jê-sus-Christ, Con Đức Chúa Trời, đã chịu chết trên thập-tự giá để gánh-vác tội-lỗi cho nhân-loại, hầu cho hễ ai hối-cải và có đức-tin qui-hướng đến Ngài đều có thể nhờ Ngài mà phục-hòa cùng Đức Chúa Trời để nhận được sự sống đời đời.

Khi Đức Chúa Jê-sus đã chịu đóng đinh, chết, chôn trong mồ mà vẫn sống lại, Ngài đã từng bày-tỏ rõ-ràng hình-thức của sự sống ấy. Ngài hứa với những ai tin theo Ngài rằng họ sẽ lìa-khỏi sự phán-quyết của sự chết mà nhận được sự sống mới.

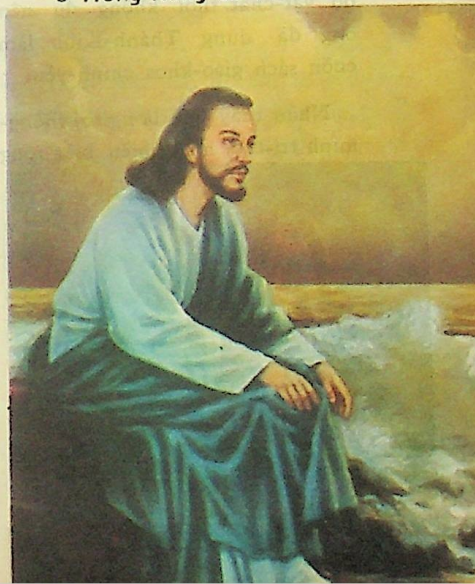
Đó chính là tin-lành về sự sống mới nhờ theo dõi sự chết mà khám-phá ra được. Có câu Kinh-

thánh sau đây chứng-minh cho sự-kiện ấy : «Vi Đức Chúa Trời thương-yêu thế-gian đến nỗi đã ban Con Độc-sanh của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy, không bị hư mất nhưng được sự sống đời đời » (Giăng 3 : 16).

Đức Chúa Jê-sus đã hy-sinh sự sống để loài người ngày nay có thể nhờ ơn Ngài mà được cứu.

Bạn đọc thân-mến, ước chi bạn mau mau tiếp-nhận Jê-sus-Christ làm Cứu-Chúa của cá-nhân bạn, và do đó sẽ chể-nhạo sự chết mà hoan-hô ơn thương-xót của Đức Chúa Trời !

Mục-sư Quốc Học Võ
dịch - thuật báo ĐĂNG-THÁP
ở Hong-Kong số 113.



NHÀ TRUYỀN-GIÁO

(tiếp theo trang 10)

trung-tâm khảo-cứu sinh-ngữ ở Le Caire, Ai-cập.

Gairdner liền vừa học vừa dạy lại tiếng Ả-rập để có thể dùng tiếng đó truyền-bá Phúc-Âm trong các xứ Hồi-giáo.

Ông viết sách giáo-khoa bằng tiếng Ả-rập và tổ-chức các lớp tiêu-học. Sống trong một xứ mù chữ, thanh thiếu-niên Ả-rập khao-khát học-vấn nên đã kéo tới học trường ông rất đông. Họ ham học vì muốn đạt tới những địa-vị cao sang hơn trong xã-hội. Nhưng Gairdner cho rằng sự tiến-bộ vật-chất thôi không đủ nên ông đã dùng Thánh-Kinh làm cuốn sách giáo-khoa chính-yếu.

Nhận thấy ông là người thông-minh trí-tuệ, hiểu nhiều biết rộng

nên những người lớn tuổi cũng tới tìm ông nhờ chỉ-giáo. « Họ đang xa dần tín-ngưỡng của họ, » Temple Gairdner nói, và ông nắm ngay lấy cơ-hội đó để hướng dẫn họ theo về với Đấng Christ. Ông và một nhà truyền-giáo khác kiếm một ngôi nhà ở trung-tâm Le Caire để dùng làm phòng giảng, tiệm sách, và trung-tâm ngôn-ngữ học.

Ghen tức với ảnh-hưởng của Temple trong đám thanh thiếu-niên những tín-đồ Hồi-giáo già mới đổ cho ông là chống - báng tiên-tri Mohammed của họ. Họ xúi-giục một đám người đến đập phá trung-tâm. Trong lúc hỗn-độn, Gairdner bị bắt và bị dẫn về quận cảnh-sát. Nhưng khi mọi việc được điều tra sáng tỏ, ông được mời đệ đơn thưa lại bọn khùng-bổ đã nhúng tay vào việc đập phá phi-pháp này.

« Không », ông đáp. « Tôi đang cố-gắng giải-phóng những người bị giam-giữ, lý đâu tôi lại còn bỏ tù họ. »

« Giải-phóng ai ? Sao vậy ? » Viên chức cảnh-sát lấy làm lạ hỏi. Y cho người mang cà-phê ra, và mời Gairdner ở lại giải-thích cho y nghe.

RẠNG-ĐÔNG



Gairdner không bỏ lỡ cơ-hội, đem ý nghĩa của nền tự-do Chúa ban-bổ cho loài người ra giải-thích. Bữa ấy ông ở lại quận cảnh-sát tới mấy tiếng đồng hồ.

Về sau ông nói : « Chúa đã khiến cho tôi bị bắt đê có dịp nhờ tôi dặt đưa nhân viên cảnh-sát nọ trở về với Chúa ! »

Đám thanh thiếu-niên Ả-rập kê trên cũng còn theo ông vào tận nhà thờ để nghe ông diễn-giảng. Hành-động này cũng có thể coi như một cuộc cách-mạng, vì cho tới lúc ấy các nhà thờ Cơ-đốc chỉ phục-vụ riêng cho nhu-cầu của người Âu-châu thôi. Lúc này trong các nhà thờ lại còn có thêm cả người Ả-rập tới nghe nữa.

Đề cho đám tín-đồ người Ả-rập cảm thấy thoải mái, tự nhiên hơn, Gairdner bắt đầu sưu-tầm những điệu hát Ả-rập, nhưng dùng lời trong những bài Thánh-ca Cơ-đốc mà ông hoặc dịch, hoặc tự soạn ra.

Trong đám những người Ả-rập

tới nghe giảng này, có nhiều người đã trở thành những tín-đồ trung-thành phục-vụ Chúa. Có một người tên gọi Mahmud, gia-đình hạnh-bổnghiên thu xếp cho anh đi Istanbul để theo học làm thâm-phán trong pháp-đình Hồi-giáo. Đây là một chức-vụ cao sang, vừa được kính-nể lại vừa kiếm được nhiều tiền, Mahmud bị đặt đứng trước hai con đường cần phải lựa chọn — một là cứ làm một người Hồi-giáo để rồi hưởng cảnh giàu sang, hai là trở thành một Cơ-đốc nhân để rồi chịu cảnh nghèo-nàn, lại thêm bị cả mọi người trong gia-đình chống đối.

« Tôi phải làm sao bây giờ ? » anh hỏi.

Temple Gairdner điềm-tĩnh trả lời : con hãy cầu-nguyện đi, cầu-nguyện về việc này đi. Chính con — và Chúa — sẽ quyết-định lấy.

Mahmud trở về nhà suốt đêm cầu nguyện. Đến ba giờ sáng thì anh được soi sáng, bao nỗi do-dự tan biến hết.

Anh vui sướng nói « Ta sẽ theo





Chúa Christ », và vội-vàng tìm tới báo tin mừng cho Gairdner. Khi anh tới chỗ ở của vị truyền-giáo thì thấy ông cũng vừa mới lên giường nghỉ — ông đã thức cho đúng đến ba giờ sáng để cầu-nguyện cho Mahmud...

Đề thu-phục thêm nhiều người Ả-rập ở Ai-cập và ở các xứ Hồi-giáo khác, Gairdner đã thành-lập một nhà xuất-bản năm 1905. Công-việc chính của ông là cho ra một tờ báo, tờ Đông-Phương và Tây-Phương, in bằng hai thứ tiếng Anh và Ả-rập và phát-hành trong 14 xứ. Về sau ông còn xuất-bản cả tập thánh-ca của ông nữa.

Các ấn-công của ông đều là

người Ả-rập, trong đó có nhiều người rất cuồng-tin theo đạo Hồi-giáo của họ. Họ rình-rập đủ mọi cơ-hội, cố ý gây ra lỗi lầm khi sắp chữ để làm sai-lạc ý-nghĩa các câu viết của Gairdner. May nhờ lòng tận-tụy trông-nom làm việc, ông mới giữ được cho tờ báo khỏi thành trò cười của mọi người.

Trong việc này ông hết lòng cầu-nguyện cũng như ông cầu-nguyện trong hết thảy mọi vấn-đề. Lời cầu-nguyện của ông đã được Chúa nhậm một cách thật lạ-lùng. Run-rủi làm sao viên cai ấn-công gặp một tai-nạn và được đưa vào bệnh-viện của Hội Truyền-giáo ở Le Caire để săn-sóc chữa chạy.

« Họ làm vậy là vì Chúa Jêsus », anh cai ấn-công suy-nghĩ và đem so-sánh việc làm nhân-đức ấy với lòng chai-đá của đám đồng-bào người Hồi-giáo của anh trong cách đối-xử với người đau ốm. Khi trở lại làm việc, anh bảo với đám ấn-công dưới quyền : « Các chú hãy chăm-nom sao cho đừng có sai lỗi trong các bài viết của ông ấy. Những lời-lẽ trong bài đều là sự thực cả đấy, vì chính mắt tôi đã được chứng-kiến. »

Có điều đáng buồn là đa số dân - cư trong các xứ này không biết đọc lẫn biết viết. Họ không hiểu nổi báo-chí, và ngay cả những lời thuyết-giảng đối với họ cũng là khó hiểu. Gairdner nghĩ mãi và cho rằng tất cả phải có một phương-pháp nào đó có thể đưa dẫn những người này tới chỗ hiểu biết Chúa. Bỗng-nhiên ông nảy ra một ý, là sử-dụng cái tài thiên-bẩm của ông về kịch-nghệ. Ông liền bắt đầu viết, xuất-bản, và cho ra những vở kịch ngắn trích theo Thánh-kinh.

Người Ả-rập, trẻ cũng như già, ham-mê coi diễn những vở kịch này. Hơn thế nữa, họ còn muốn được đóng vai trong ấy nữa. Những người dân này lúc ấy đã hiểu, và có nhiều người đã tin Chúa và chịu báp-têm.

Gairdner tiếp-tục sử-dụng những tài-năng mà Chúa đã ban lại cho ông cho tới lúc ông từ-trần ở Ai-cập năm 1928, luôn luôn cầu-nguyện sao cho được thấy Cơ-đốc nhân hy-sinh tài-năng và nghị-lực để chinh-phục thêm nhiều linh-hồn trở về với Đấng Christ.

Ngày nay, gần 40 năm sau, nhà xuất-bản ông thành-lập, tập thánh-ca điệu Ả-rập ông đã soạn, và những vở kịch ông viết ra vẫn còn lưu-hành, đều dưới một chính-phủ mới không có cảm-tình với Cơ-Đốc-giáo như đang thời Gairdner còn sống. Nhưng những tài-năng ông đã gieo rắc thì, cũng như những mầm giống đã gieo, thế nào rồi cũng mọc lên thành quả, lớn mạnh cho đến sự sống đời đời.

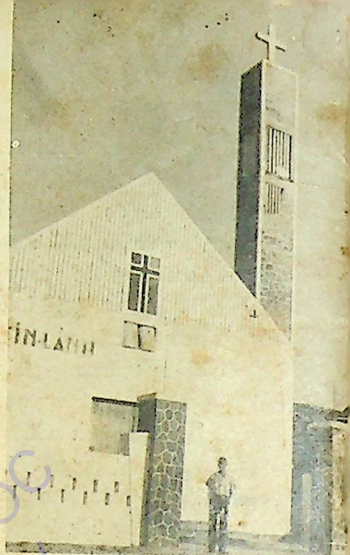
Xin Bạn Đọc Chú-ý :

Sau khi đọc tập RẠNG-ĐÔNG này, nếu bạn muốn tin Chúa hoặc tìm hiểu thêm về giáo-lý Tin-Lành, xin bạn liên-lạc với vị Mục-sư tại chi-hội Tin-Lành nơi bạn ở, hoặc nếu bạn là quân-nhân xin liên-lạc với Mục-sư Tuyên-úy Tin-Lành nơi Quân-khu hoặc vùng Chiến-thuật của bạn để được chỉ-dẫn thêm những điều cần-thiết. Hoặc nếu tiện, xin bạn viết thư về cho bản báo để được tặng thêm những sách nhỏ cắt nghĩa chân-lý cứu-rỗi theo địa-chỉ dưới đây :

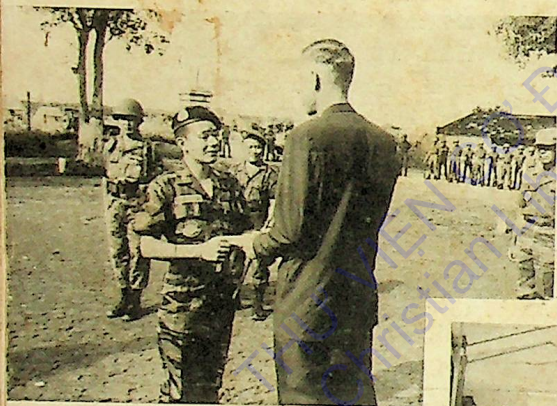
Ông NGUYỄN-VĂN-VẠN
Chủ-nhiệm RẠNG-ĐÔNG
5113 đường Hòa-Hưng
SAIGON



Ban nhạc Đại-hân hòa-tấu tôn-vinh Chúa
nhơn dịp lễ Khánh-thành Nhà-thờ Khu 6
Qui-nhon, ngày 19-2-67.



Nhà thờ khu 6 Qui-nhon vừa khánh-thành
ngày 19-2-67.



Giáo-sĩ J. H. Livingston tặng Kinh-Thánh
Thiếu-tướng Lê-nguyên-Khang.



Giáo-sĩ G. W. Hunt trao tặng sách Chứng-
đạo cho thương bệnh binh.

Cảnh hoàng-hôn trên đảo Côn-sơn.

(Ảnh : Giáo-sĩ Hunt)

